

# **HỌC THUYẾT CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA VÀ LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

## **A. PHẦN LÝ THUYẾT**

**Câu 1: Trình bày khái niệm và vai trò của phân công lao động đối với sự ra đời của kinh tế hàng hóa? Có mấy loại hình phân công lao động?**

*Trong giáo trình ghi có 3 loại hình (xem lại)*

**Trả lời:**

*1. Phân công lao động xã hội:*

Phân công lao động xã hội là sự chuyên môn hóa sản xuất, phân chia lao động xã hội ra thành các ngành, các lĩnh vực sản xuất khác nhau. Phân công lao động làm cho mỗi người chỉ sản xuất một hoặc một vài sản phẩm nhất định. Mặt khác, do sự bất lực của con người về thiên nhiên, về thời gian, về trình độ... nên không thể làm ra được tất cả các sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng lên của mình, do đó tất yếu cần có sự trao đổi sản phẩm lẫn nhau giữa những người sản xuất, vì thế sản phẩm mang hình thái là hàng hóa.

Phân công lao động làm cho người sản xuất độc lập với nhau, đồng thời lại tạo ra mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, nên buộc họ phải trao đổi sản phẩm cho nhau. Vì vậy, phân công lao động là cơ sở của trao đổi hàng hóa.

*2. Các loại hình phân công lao động:*

Có 2 loại phân công lao động:

- *Một là, phân công lao động cá biệt:* là chuyên môn hóa từng công đoạn của quá trình sản xuất trong từng công ty, xí nghiệp, cơ sở... Ví dụ: sản xuất ra cái bàn thì cần người cưa, người bào, người đục... Sản phẩm của họ làm ra chỉ nhằm thỏa mãn trực tiếp nhu cầu tiêu dùng của người sản xuất. Vì vậy kiểu sản xuất này

được gọi là sản xuất tự túc, tự cấp, do đó sản phẩm của họ làm ra không có tính trao đổi hoặc mua bán trên thị trường nên chưa gọi là hàng hóa.

- *Hai là, phân công lao động xã hội:* là chuyên môn hóa từng ngành nghề trong xã hội để tạo ra sản phẩm. Ví dụ như sản xuất một chiếc xe máy: các chi tiết như sườn xe, khung xe, đèn, điện...mỗi chi tiết phải qua từng công ty chuyên sản xuất chi tiết đó cung cấp, sau đó mới lắp ráp thành chiếc xe máy. Các sản phẩm này không còn giới hạn ở nhu cầu sử dụng của người sản xuất mà nó được trao đổi, mua bán, được lưu thông đến người sử dụng trong xã hội, lúc này sản phẩm đó được gọi là hàng hóa.

**Câu 2: Hàng hóa là gì? Phân tích các thuộc tính của hàng hóa? Nguồn gốc của giá trị hàng hóa và nguồn gốc của giá trị thặng dư khác nhau như thế nào?**

**Trả lời:**

*1. Khái niệm hàng hóa.*

Hàng hóa là sản phẩm của lao động nhằm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán.

Để trở thành hàng hóa, các sản phẩm phải có những tiêu chí sau:

- Phải là sản phẩm của lao động, nếu sản phẩm không do lao động tạo ra, mặc dù nó rất cần thiết cho con người như: nước tự nhiên, không khí... cũng không phải là hàng hóa.

- Phải thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người, một vật dù là sản phẩm của lao động nhưng nếu không được tiêu dùng thì không phải là hàng hóa.

- Phải thông qua trao đổi, mua bán, nếu sản phẩm sản xuất ra để tự tiêu dùng như người nông dân sản xuất thóc để ăn thì đó không phải là hàng hóa.

*2. Phân tích các thuộc tính của hàng hóa*

- *Giá trị sử dụng của hàng hóa:*

+ Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của hàng hóa thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

Ví dụ: gạo để ăn, áo để mặc...

Mỗi vật thể có nhiều công dụng khác nhau, việc tìm ra những công dụng đó tùy thuộc vào sự phát triển của lực lượng sản xuất và tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

+ Do thuộc tính tự nhiên của vật qui định

+ Giá trị sử dụng của hàng hóa là một phạm trù vĩnh viễn

+ Giá trị sử dụng của hàng hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu cho người khác, cho xã hội chứ không phải cho người trực tiếp sản xuất ra nó, nên nó là vật mang giá trị trao đổi.

+ Khoa học kỹ thuật càng phát triển thì giá trị sử dụng của hàng hóa càng phong phú.

- *Giá trị của hàng hóa:*

+ Muốn biết được giá trị của hàng hóa phải thông qua giá trị trao đổi. Giá trị trao đổi trước hết là một quan hệ về số lượng, là tỷ lệ theo đó một giá trị sử dụng loại này được trao đổi với những giá trị sử dụng loại khác.

Ví dụ: 1m vải = 5 kg thóc.

Chúng trao đổi được với nhau là vì cả vải và thóc đều là sản phẩm của lao động, đều có lao động kết tinh trong đó. Chính lao động đó tạo ra giá trị cho hàng hóa.

*Vậy giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.*

+ Giá trị là nội dung bên trong, giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện bên ngoài của hàng hóa.

Giá trị biểu hiện một quan hệ xã hội. Quan hệ của những người sản xuất và trao đổi hàng hóa.

+ Giá trị là một phạm trù lịch sử, nó chỉ tồn tại khi còn hàng hóa và sản xuất hàng hóa.

*3. Nguồn gốc của giá trị hàng hóa và nguồn gốc của giá trị thặng dư khác nhau như thế nào?*

Nguồn gốc của giá trị hàng hóa là do hao phí lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong sản phẩm.

Nguồn gốc của giá trị thặng dư là do bóc lột của nhà tư bản đối với lao động không công của công nhân làm thuê.

**Câu 3: Phân tích lượng giá trị của hàng hoá và các yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá?**

**Trả lời:**

*1. Lượng giá trị của hàng hoá*

- Giá trị của hàng hoá là do lao động xã hội, lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá.

- Lượng giá trị của hàng hoá được đo bằng lượng lao động tiêu hao để sản xuất ra hàng hoá đó. Trên thực tế có nhiều người cùng sản xuất một loại hàng hoá, nhưng điều kiện sản xuất, trình độ tay nghề, năng suất lao động khác nhau, do đó thời gian lao động để sản xuất ra hàng hoá không giống nhau, tức hao phí lao động cá biệt khác nhau. Vì vậy, lượng giá trị hàng hoá không phải tính bằng thời gian lao động cá biệt, mà tính bằng thời gian lao động xã hội cần thiết.

Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian lao động cần để sản xuất ra một hàng hoá nào đó trong những điều kiện sản xuất bình thường của xã hội với trình độ trang thiết bị trung bình, với trình độ thành thạo trung bình và cường độ lao động trung bình trong xã hội đó.

Trình độ thành thạo trung bình, cường độ trung bình, điều kiện bình thường của xã hội đối với mỗi nước, mỗi ngành là khác nhau và thay đổi theo sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Thông thường, thời gian lao động xã hội cần thiết gắn sát với thời gian lao động cá biệt (mức hao phí lao động cá biệt) của người sản xuất hàng hoá nào cung cấp đại bộ phận hàng hoá đó trên thị trường. Thời gian lao động xã hội cần thiết là một đại lượng không cố định, do đó lượng giá trị hàng hoá cũng không

Tài liệu ôn tập Những NLCB của CN Mác-Lênin Phần 2 (2017) - Khoa LLCT - ĐH Kiến Trúc Hà Nội

---

cố định. Khi thời gian lao động xã hội cần thiết thay đổi thời lượng giá trị của hàng hoá cũng thay đổi.

Như vậy, chỉ có lượng lao động xã hội cần thiết, hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá, mới là cái quy định đại lượng giá trị của hàng hoá ấy.

## *2. Các yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá*

Do thời gian lao động xã hội cần thiết luôn thay đổi, nên lượng giá trị của hàng hoá cũng là một đại lượng không cố định. Sự thay đổi này tùy thuộc vào năng suất lao động và mức độ phức tạp hay đơn giản của lao động

- Năng suất lao động là sức sản xuất của lao động được đo bằng lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Năng suất lao động tăng lên có nghĩa là cũng trong thời gian lao động, nhưng khối lượng hàng hoá sản xuất ra tăng lên làm cho thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một đơn vị hàng hoá giảm xuống. Do đó, khi năng suất lao động tăng lên thì giá trị của hàng hoá tỷ lệ nghịch với năng suất lao động.

Năng suất lao động lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố như trình độ khéo léo (sự thành thạo) trung bình của người công nhân; mức độ phát triển của khoa học, công nghệ và mức độ ứng dụng những thành tựu đó vào sản xuất; trình độ tổ chức quản lý, quy mô và hiệu xuất của tư liệu sản xuất và các điều kiện tự nhiên. Muốn tăng năng suất lao động phải hoàn thiện các yếu tố trên.

- Tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động có tác động khác nhau đối với lượng giá trị hàng hoá. Cường độ lao động là mức độ khẩn trương, nặng nhọc của lao động trong cùng một thời gian lao động nhất định và được đo bằng sự tiêu hao năng lực của lao động trên một đơn vị thời gian và thường được tính bằng số calo hao phí trong một thời gian nhất định. Cường độ lao động tăng lên tức là mức hao phí cơ bắp, thần kinh trên một đơn vị thời gian tăng lên, mức độ khẩn trương, nặng nhọc hay căng thẳng của lao động tăng lên. Nếu cường độ

lao động tăng lên thì số lượng (hoặc khối lượng) hàng hoá sản xuất ra tăng lên và sức hao phí lao động cũng tăng lên tương ứng cũng lượng giá trị của một đơn vị hàng hoá vẫn không đổi. Tăng cường độ lao động thực chất cũng như kéo dài thời gian lao động.

- Tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động giống nhau ở chỗ chúng đều dẫn đến lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng lên. Nhưng chúng cũng khác nhau ở chỗ tăng năng suất lao động làm cho lượng sản phẩm (hàng hoá) sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng lên, nhưng làm cho lượng giá trị của một đơn vị hàng hoá giảm xuống. Hơn nữa, tăng năng suất lao động có thể phụ thuộc nhiều vào máy móc, kỹ thuật, do đó nó gần như một yếu tố có “sức sản xuất” vô hạn; cũng tăng cường độ lao động tuy có làm cho lượng sản phẩm sản xuất ra tăng lên, nhưng không làm thay đổi giá trị của một đơn vị hàng hoá. Hơn nữa, tăng cường độ lao động phụ thuộc vào thể chất và tinh thần của người lao động, do đó nó là yếu tố của “sức sản xuất” có giới hạn. Chính vì vậy, tăng năng suất lao động có ý nghĩa tích cực hơn đối với sự phát triển kinh tế.

- Tính chất của lao động. Lao động giản đơn và lao động phức tạp  
Lao động giản đơn là lao động mà một người lao động bình thường không cần phải qua đào tạo cũng có thể thực hiện được. Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải được đào tạo, huấn luyện mới có thể tiến hành được.

Trong cùng một thời gian, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn. Tuy nhiên để tiến hành trao đổi hàng hoá, mọi lao động phức tạp đều được quy thành lao động giản đơn trung bình trên cơ sở lao động phức tạp bằng bội số của lao động giản đơn.

**Câu 4: Phân tích nguồn gốc ra đời, bản chất và các chức năng của tiền tệ? Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này đối với nước ta hiện nay?**

**Trả lời:**

*Phân tích nguồn gốc ra đời, bản chất của tiền:*

*\* Nguồn gốc ra đời của tiền:*

Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hóa, hay của quá trình phát triển của các hình thái giá trị của hàng hóa.

- Hình thái giản đơn hay ngẫu nhiên: Giá trị của hàng hóa này biểu hiện ở một hàng hóa khác. Ví dụ: 1 cái rìu = 20 kg thóc.

- Hình thái đầy đủ hay mở rộng: Giá trị của hàng hóa biểu hiện ở nhiều hàng hóa khác. Ví dụ: 1 con cừu = 40 kg thóc

Hoặc = 10 kg chè

2 cái rìu...

- Hình thái chung: Tất cả các hàng hóa đều biểu hiện giá trị ở một hàng hóa có vai trò làm vật ngang giá chung. Ví dụ:

2 cái rìu

40 kg thóc

10 kg chè

2 gram vàng

} = 1 con cừu

- Hình thái tiền: Hình thái tiền là hình thái khi vật ngang giá được cố định ở một hàng hóa độc tôn và phổ biến.

Lúc đầu có nhiều hàng hóa đóng vai trò tiền tệ, cuối cùng được cố định lại ở vàng.

Ví dụ: 40 kg thóc

Hoặc 10 kg chè

2 cái rìu

} = 2 gram vàng

*\* Bản chất của tiền: Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả hàng hóa, nó thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.*

## *2. Chức năng của tiền tệ: Tiền có 5 chức năng.*

### *a) Thước đo giá trị.*

Tiền dùng để biểu hiện và đo lường giá trị của các hàng hoá. Muốn đo lường giá trị của các hàng hoá, bản thân tiền phải có giá trị. Vì vậy, tiền làm chức năng thước đo giá trị thường là tiền vàng. Để đo lường giá trị hàng hoá không nhất thiết phải là tiền mặt mà chỉ cần so sánh với lượng vàng nào đó trong ý tưởng. Sở dĩ có thể làm được như vậy, vì giữa giá trị của vàng và giá trị của hàng hoá trong thực tế đó có một tỷ lệ nhất định. Cơ sở của tỷ lệ đó là thời gian lao động xã hội cần thiết hao phí sản xuất ra hàng hoá. Giá trị hàng hoá được biểu hiện bằng tiền gọi là giá cả hàng hoá đó. Do đó, giá cả là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá.

### *b) Phương tiện lưu thông*

Với chức năng này, tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hoá. Để làm chức năng lưu thông hàng hoá phải dùng tiền mặt. Trao đổi hàng hoá lấy tiền làm môi giới gọi là lưu thông hàng hoá. Công thức lưu thông hàng hoá là H-T-H. Người ta đổi hàng lấy tiền rồi lại dùng nó để mua hàng mà mình cần. Làm phương tiện lưu thông, tiền không nhất thiết phải có đủ giá trị.

### *c) Phương tiện cất trữ.*

Làm phương tiện cất trữ, tức là tiền được rút khỏi lưu thông đi vào cất trữ. Sở dĩ tiền làm được chức năng này là vì tiền là đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thức giá trị, nên cất trữ tiền là một hình thức cất trữ của cải. Để làm chức năng phương tiện cất trữ, tiền phải có đủ giá trị, tức là tiền vàng.

### *d) Phương tiện thanh toán.*

Khi làm phương tiện thanh toán, tiền được dùng để trả nợ, nộp thuế, trả tiền mua chịu hàng v.v... Trong quá trình tiền tệ thực hiện chức năng phương tiện thanh toán, ngày càng xuất hiện nhiều hơn các hình thức thanh toán mới không cần tiền mặt như ký sổ, séc, chuyển khoản, thẻ điện tử v.v.

Công thức tính lượng tiền cần thiết cho lưu thông:

$$T = G - G_c - T_k + T_t / N$$



Trong đó:

- T là lượng tiền cần thiết cho lưu thông
- G là tổng số giá cả của hàng hóa
- Gc là tổng số giá cả hàng hóa bán chịu
- Tk là tổng số tiền khấu trừ cho nhau
- Ttt là tổng số tiền thanh toán đến kỳ hạn trả
- N là số vòng lưu thông của các đồng tiền cùng loại

*e) Tiền tệ thế giới.*

Khi trao đổi hàng hoá vượt khỏi biên giới quốc gia thì tiền làm chức năng tiền thế giới. Tiền thế giới cũng thực hiện các chức năng thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán. Trong giai đoạn đầu sự hình thành quan hệ kinh tế quốc tế, tiền đóng vai trò là tiền thế giới phải là tiền thật (vàng, bạc). Sau này, song song với chế độ thanh toán bằng tiền thật, tiền giấy được bảo lãnh bằng vàng, gọi là tiền giấy bản vị cũng được dùng làm phương tiện thanh toán quốc tế. Dần dần do sự phát triển của quan hệ kinh tế-chính trị thế giới, chế độ tiền giấy bản vị vàng bị xoá bỏ nên một số đồng tiền quốc gia mạnh được công nhận là phương tiện thanh toán, trao đổi quốc tế, mặc dù phạm vi và mức độ thông dụng có khác nhau. Nền kinh tế của một nước càng phát triển, đặc biệt trong quan hệ kinh tế đối ngoại, thì khả năng chuyển đổi của đồng tiền quốc gia đó càng cao. Những đồng tiền được sử dụng làm phương tiện thanh toán quốc tế ở phạm vi và mức độ thông dụng nhất định gọi là những đồng tiền có khả năng chuyển đổi. Việc chuyển đổi tiền của nước này ra tiền của nước khác được tiến hành theo tỷ giá hối đoái. Đó là giá trị đồng tiền của nước này được tính bằng đồng tiền của nước khác.

Tóm lại, năm chức năng của tiền trong nền kinh tế hàng hoá quan hệ mật thiết với nhau. Sự phát triển các chức năng của tiền phản ánh sự phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hoá.

*3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này đối với nước ta hiện nay*

- Tiền tệ ra đời là một tất yếu khách quan do yêu cầu của lưu thông hàng hóa. Tiền chỉ là phương tiện chứ không phải là mục đích của cuộc sống con người. Vì vậy, cần khắc phục tư tưởng sùng bái đồng tiền trong xã hội.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa hàng và tiền để lưu thông hàng hóa trôi chảy. Tránh tình trạng khan hiếm tiền làm lưu thông hàng hóa bị ách tắc; ngược lại cũng không phát hành tiền quá nhiều tiền sẽ đưa tới lạm phát, làm cho sản xuất không phát triển, tất yếu sẽ dẫn tới rối loạn nền kinh tế, đời sống gặp khó khăn...

- Chú ý đến việc xử lý giá cả hàng hóa, vì nó liên quan trực tiếp tới sản xuất và đời sống của xã hội.

**Câu 5: Trình bày nội dung, yêu cầu và tác động của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này đối với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay?**

**Trả lời:**

*1. Nội dung, yêu cầu và tác động của quy luật giá trị:*

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế quan trọng nhất của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Sự ra đời và hoạt động của quy luật giá trị gắn liền với sản xuất và lưu thông hàng hóa. Ở đâu có sản xuất và lưu thông hàng hóa thì ở đó có quy luật giá trị hoạt động.

Trong sản xuất hàng hóa có hiện tượng nếu một loại hàng hóa nào đó trên thị trường khan hiếm, giá cả lên cao, thì sẽ có nhiều nhà sản xuất đổ dồn vào sản xuất mặt hàng này. Trong lưu thông có hiện tượng là hàng hóa bao giờ cũng di chuyển từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao. Đây chính là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

Theo yêu cầu của quy luật giá trị, sản xuất và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Tức là trên cơ sở giá trị của nó. Cụ thể:

- Yêu cầu với sản xuất

- + Quyết định hao phí lao động cá biệt phù hợp với LĐXH cần thiết

- + Mức chi phí mà xã hội chấp nhận được trong lưu thông

- Yêu cầu về lưu thông

- + Trong trao đổi hàng hóa phải dựa trên nguyên tắc ngang giá, tức là giá cả phụ thuộc vào giá trị. Giá cả xoay quanh trực giá trị của hàng hóa.

## *2. Tác động của quy luật giá trị trong kinh tế hàng hóa:*

- *Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.*

Điều tiết sản xuất tức là điều hòa, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế. Hoạt động này của quy luật giá trị được biểu hiện thông qua sự biến động của giá cả hàng hóa trên thị trường. Nếu ở ngành nào cung nhỏ hơn cầu, giá cả hàng hóa sẽ lên cao hơn giá trị, hàng hóa bán chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào ngành ấy. Do đó, tư liệu sản xuất và sức lao động chuyển dịch vào ngành ấy tăng lên. Ngược lại, khi cung ở ngành đó vượt cầu, giá cả hàng hóa giảm xuống, hàng hóa bán không chạy, có thể lỗ vốn. Lúc ấy buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hóa cao. Tác động này của quy luật giá trị làm cho lưu thông hàng hóa được thông suốt.

- *Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển.*

Các hàng hóa sản xuất trong những điều kiện khác nhau. Nhưng trên thị trường đòi hỏi người sản xuất phải tuân theo giá trị thị trường. Do vậy, mọi người phải tìm mọi cách để làm cho giá trị cá biệt của mình nhỏ hơn giá trị xã hội thì mới thu được lợi nhuận.

- *Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa những người sản xuất.*

Quá trình cạnh tranh theo đuổi giá trị tất yếu dẫn đến kết quả là: người nào có giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội sẽ phát tài, trở nên giàu có, người nào có giá trị cá biệt cao hơn giá trị xã hội sẽ ở vào thế bất lợi, làm ăn thua lỗ và phá sản.

*3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này đối với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay*

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tự do sản xuất kinh doanh, trao đổi trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm, từ đó tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng để thúc đẩy đổi mới kỹ thuật, công nghệ.

- Sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực để tạo ra nhiều hàng hóa với chất lượng cao, giá thành hạ đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng.

- Phải có sự điều tiết của Nhà nước bằng những công cụ, chính sách, pháp luật để hạn chế những tác động tiêu cực, tự phát của quy luật giá trị như: phân hóa giàu nghèo, bất công xã hội, cạnh tranh không lành mạnh... nhằm định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta.

**Câu 6: Nói cạnh tranh là động lực thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển đúng hay sai? Phân tích mặt tích cực và tiêu cực của kinh tế hàng hóa. Liên hệ với nền kinh tế ở nước ta hiện nay?**

**Trả lời:**

*Nói cạnh tranh là động lực thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển là đúng hay sai?*

Nói cạnh tranh là động lực thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển là đúng.

Cạnh tranh là sự đấu tranh, sự ganh đua quyết liệt giữa các chủ thể kinh tế nhằm giành những điều kiện sản xuất kinh doanh thuận lợi, để thu lợi nhuận cao nhất.

Cạnh tranh là một quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa, tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người.

Có nhiều loại cạnh tranh: Cạnh tranh giữa những người mua, người bán với nhau; cạnh tranh nội bộ ngành, cạnh tranh giữa các ngành; cạnh tranh trong nước và cạnh tranh quốc tế.

Cạnh tranh có vai trò tích cực. Nó bắt buộc các chủ thể kinh tế phải thường xuyên đổi mới kỹ thuật, ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ mới để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá cả hàng hóa; đồng thời không ngừng tổ chức cải tiến quản lý kinh tế có hiệu quả, đặc biệt là các chủ thể nền kinh tế phải không ngừng hoàn thiện mình để nâng cao trình độ, đủ khả năng tham gia cạnh tranh trên thị trường.

Bên cạnh đó, cạnh tranh cũng sinh ra nhiều tiêu cực như hàng giả, hàng lậu, trốn thuế, lừa đảo, lãng phí, tham nhũng, làm băng hoại đạo đức, truyền thống của xã hội, phân hóa người sản xuất thành người giàu, người nghèo...

Vì vậy, để tạo môi trường cạnh tranh hiệu quả, nhà nước phải tạo ra các thể chế, cơ chế, chính sách, luật pháp... để tạo ra sân chơi bình đẳng trong nền kinh tế hàng hóa.

*Phân tích mặt tích cực và tiêu cực của kinh tế hàng hóa. Liên hệ với nền kinh tế ở nước ta hiện nay?*

*\* Mặt tích cực của nền kinh tế hàng hóa:*

*- Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.*

Trong nền sản xuất hàng hóa, do sự tác động của các quy luật của nó nên buộc người sản xuất phải năng động, phải cải tiến kỹ thuật, tổ chức lại sản xuất một cách hợp lý để vừa hạ giá thành, vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

*- Đẩy mạnh quá trình xã hội hóa sản xuất.*

Phân công lao động xã hội là điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa, nhưng khi sản xuất hàng hóa phát triển nó lại đẩy mạnh quá trình hợp tác và phân công lao động sâu sắc hơn. Hiệp tác và phân công lao động phát triển lại dẫn tới quá trình tích tụ và tập trung sản xuất. Kết quả là đưa tới quá trình xã hội hóa sản xuất không phải chỉ trong phạm vi quốc gia mà cả trên phạm vi quốc tế.

Chính quá trình xã hội hóa sản xuất đã làm cho nền kinh tế của các nước đan xen và phụ thuộc lẫn nhau.

*- Tạo ra nhiều hàng hóa đáp ứng nhu cầu đa dạng cho xã hội.*

Sản xuất tự cung, tự cấp chỉ đáp ứng được nhu cầu tối thiểu cho bản thân người sản xuất nên sản phẩm làm ra rất ít và đơn điệu.

Khi sản xuất hàng hóa ra đời, dưới sự tác động của các quy luật kinh tế đã tạo ra được năng suất lao động cao, nên sản phẩm sản xuất ra ngày càng nhiều và phong phú, nhờ đó đáp ứng nhu cầu đa dạng cho xã hội.

*- Tạo điều kiện cho sản xuất hàng hóa lớn ra đời.*

Sản xuất hàng hóa ra đời đã đẩy nhanh quá trình phân công lao động xã hội và mở rộng thị trường; tạo ra nguồn vốn ban đầu cho quá trình công nghiệp hóa, từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất TBCN.

*\* Mặt hạn chế của kinh tế hàng hóa:*

- Phân hóa giàu nghèo
- Tiềm ẩn khủng hoảng KT-XH
- Phá hoại môi trường sinh thái

*\* Liên hệ với nền kinh tế ở nước ta hiện nay:*

**Câu 7: Phân tích điều kiện ra đời và thuộc tính của hàng hóa sức lao động? Ý nghĩa của việc phát hiện ra hàng hóa sức lao động của Mác?**

**Trả lời:**

*Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:*

*\* Khái niệm SLĐ:*

SLĐ là toàn bộ thể lực và trí lực của con người được đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó.

Như vậy, SLĐ là vốn có của con người, là yếu tố cơ bản của mọi quá trình sản xuất nhưng không phải SLĐ nào cũng là hàng hóa, nó chỉ trở thành hàng hóa khi có đủ các điều kiện.

*\* Điều kiện để SLĐ trở thành hàng hóa:*

SLĐ chỉ có thể trở thành hàng hóa trong những điều kiện lịch sử nhất định sau đây:

*Thứ nhất, người lao động được tự do về thân thể, làm chủ được SLĐ của mình và có quyền bán SLĐ của mình như một hàng hóa.*

Điều kiện này chỉ có sau CM DCTS, quyền công dân được luật pháp công nhận và bảo vệ. Còn dưới chế độ nô lệ, người nô lệ chỉ được xem là công cụ biết nói, là thứ tài sản của chủ nô mà thôi. Đến xã hội phong kiến thì người nông nô bị cột chặt vào đất đai của chúa phong kiến, các nhà địa chủ, vì thế nên họ cũng không được tự do về thân thể. Còn người công nhân dưới CNTB được giải phóng khỏi chế độ nông nô và được tự do về thân thể nên có thể đem bán SLĐ của mình để nuôi sống bản thân.

*- Thứ hai, người lao động phải bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, để tồn tại bắt buộc họ phải bán sức lao động, tức là đi làm thuê cho nhà tư bản.*

## *2. Hai thuộc tính của hàng hóa SLĐ:*

Giống như mọi hàng hóa khác, hàng hóa sức lao động cũng có hai thuộc tính: **Giá trị và giá trị sử dụng**

### *- Giá trị của hàng hóa sức lao động:*

Giá trị của hàng hóa sức lao động là thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động đó.

Giá trị hàng hóa SLĐ là toàn bộ giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết về vật chất và tinh thần để nuôi sống bản thân và gia đình, cùng với các phí tổn đào tạo nghề nghiệp.

### *- Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động:*

Giá trị sử dụng SLĐ là sự thỏa mãn nhu cầu của người mua nó, tức là để người mua tiêu dùng vào quá trình lao động để sản xuất ra một hàng hóa nào đó.

Trong quá trình sử dụng, hàng hóa SLĐ được xem là một loại hàng hóa đặc biệt, nó là nguồn gốc sinh ra giá trị, tức là nó có thể tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó.

**Câu 8: Phân tích các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản?**

**Trả lời:**

Giá trị thặng dư là một phạm trù nói lên mục đích của sản xuất TBCN. Trong đời sống thực tế của xã hội tư bản, giá trị thặng dư được biểu hiện cụ thể và chuyển hóa thành lợi nhuận, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức ngân hàng, lợi tức cho vay và địa tô TBCN.

*\* Lợi nhuận*

- *Lợi nhuận là giá trị thặng dư khi được quan niệm là con đẻ của tư bản ứng trước, là số dôi ra so với chi phí sản xuất TBCN. (Kí hiệu là p)*

*Về chất*, lợi nhuận có nguồn gốc từ giá trị thặng dư.

*Về lượng*, nếu cung bằng cầu thì giá cả hàng hóa bán ra đúng bằng giá trị của nó, do đó lợi nhuận bằng giá trị thặng dư ( $p = m$ ); nếu cung nhỏ hơn cầu thì giá cả hàng hóa lớn hơn giá trị hàng hóa, nên lợi nhuận lớn hơn giá trị thặng dư ( $p > m$ ); ngược lại, nếu cung lớn hơn cầu thì giá cả hàng hóa nhỏ hơn giá trị hàng hóa, nên lợi nhuận nhỏ hơn giá trị thặng dư ( $p < m$ ). Nhưng trong toàn xã hội, do tổng giá cả bằng tổng giá trị hàng hóa nên tổng lợi nhuận bằng tổng giá trị thặng dư. Tức là cơ sở của lợi nhuận là giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư càng nhiều thì khối lượng lợi nhuận càng lớn và ngược lại. Cũng như giá cả xoay quanh giá trị hàng hóa thì mức lên xuống của lợi nhuận xoay quanh giá trị thặng dư. Chính sự không nhất trí về lượng giữa p và m, nên càng che dấu thực chất bóc lột của CNTB.

*\* Lợi nhuận thương nghiệp:*

Lợi nhuận thương nghiệp là một phần của giá trị thặng dư được sáng tạo trong quá trình sản xuất và do nhà tư bản công nghiệp nhường lại cho nhà tư bản thương nghiệp, để nhà tư bản thương nghiệp tiêu thụ hàng hóa cho mình.

*\* Lợi tức cho vay :*



Lợi tức(Z)chính là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay căn cứ vào lượng tư bản tiền tệ mà nhà tư bản cho vay đã bỏ ra cho tư bản đi vay sử dụng.

*\* Lợi nhuận ngân hàng :*

Chênh lệch giữa lợi tức cho vay và lợi tức nhận gửi sau khi trừ đi những chi phí về nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng cộng với các thu nhập khác về kinh doanh tư bản tiền tệ đã hình thành nên lợi nhuận ngân hàng.

*\* Tư bản giả :*

Tư bản giả là tư bản tồn tại dưới hình thức các chứng khoán có giá và mang lại thu nhập cho người sở hữu các chứng khoán đó.

Có hai loại chứng khoán phổ biến là : cổ phiếu do công ty cổ phần phát hành và trái phiếu.

*\* Địa tô TBCN*

Địa tô TBCN là phần giá trị thặng dư còn lại sau khi trừ đi lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải nộp cho địa chủ.

Thực chất, địa tô TBCN chính là một hình thức chuyên hóa của lợi nhuận siêu ngạch. Do vậy, nguồn gốc duy nhất của địa tô TBCN là giá trị thặng dư do công nhân nông nghiệp tạo ra.

- Địa tô có 2 hình thức cơ bản:

+ Địa tô chênh lệch: Địa tô chênh lệch là phần địa tô thu được ở trên những ruộng đất có điều kiện sản xuất thuận lợi.

Có hai loại địa tô chênh lệch: địa tô chênh lệch I và địa tô chênh lệch II.

- Địa tô chênh lệch I là địa tô chênh lệch thu được trên những ruộng đất có độ màu mỡ tự nhiên thuộc loại trung bình và tốt, hoặc những vị trí gần thị trường tiêu thụ, gần đường giao thông.

- Địa tô chênh lệch II là địa tô chênh lệch thu được do thâm canh mà có.

+ Địa tô tuyệt đối là lợi nhuận siêu ngạch dôi ra ngoài lợi nhuận bình quân, được hình thành do cấu tạo hữu cơ của tư bản trong công nghiệp, nó là số

Tài liệu ôn tập Những NLCB của CN Mác-Lênin Phần 2 (2017) - Khoa LLCT - ĐH Kiến Trúc Hà Nội

---

chênh lệch giữa giá trị nông sản phẩm và giá cả sản xuất chung. Vậy địa tô tuyệt đối là loại địa tô mà tất cả các nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp đều phải nộp cho địa chủ, cho dù là ruộng đất tốt hay xấu.

**Câu 9: Bản chất của tư bản là gì? Phân tích vai trò của tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư?**

**Trả lời:**

*1. Bản chất của tư bản:*

Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động không công của công nhân làm thuê.

Như vậy, bản chất của tư bản là thể hiện quan hệ sản xuất xã hội mà trong đó giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân sáng tạo ra.

*2. Vai trò của tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư:*

*\* Khái niệm tư bản bất biến và tư bản khả biến*

- *Tư bản bất biến*: là bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thức tư liệu sản xuất (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu phụ,...) mà giá trị của nó được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm mới, tức là không thay đổi đại lượng giá trị của nó, được C. Mác gọi là tư bản bất biến, ký hiệu là  $c$ .

- *Tư bản khả biến*: là bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động, tuy không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về đại lượng, được C. Mác gọi là tư bản khả biến, ký hiệu là  $v$ .

Như vậy, tư bản bằng tư bản bất biến cộng tư bản khả biến, hay  $k = c + v$ .

*\*Vai trò của tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư:*

Tư bản khả biến (v) trực tiếp sản sinh ra giá trị thặng dư, là nguồn gốc duy nhất của giá trị thặng dư, còn tư bản bất biến (c) chỉ là điều kiện để sản xuất ra giá trị thặng dư mà thôi.

Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến vạch rõ nguồn gốc duy nhất của giá trị thặng dư là do sức lao động của công nhân làm thuê biểu hiện dưới hình thái tư bản khả biến tạo ra. Tư bản bất biến tuy không là nguồn gốc của giá trị thặng dư, nhưng là điều kiện khách quan cần thiết để sản xuất và tăng năng suất lao động. Việc phân chia này còn là cơ sở để phê phán quan điểm cho rằng máy móc sinh lời cho nhà tư bản, chứ không phải nhà tư bản bóc lột công nhân làm thuê

**Câu 10: Làm thế nào để đo trình độ và quy mô bóc lột giá trị thặng dư đối với công nhân làm thuê của CNTB?**

**Trả lời:**

Mục đích của sản xuất TBCN là sản xuất ra càng nhiều giá trị thặng dư cho các nhà tư bản. Để có nhiều giá trị thặng dư, các nhà tư bản vừa tăng cường độ bóc lột vừa mở rộng quy mô bóc lột đối với công nhân. C.Mác đã dùng khái niệm tỷ suất giá trị thặng dư để biểu thị trình độ bóc lột và khái niệm khối lượng giá trị thặng dư để nói lên quy mô bóc lột.

Sau khi vạch rõ bản chất bóc lột của CNTB, C.Mác nghiên cứu trình độ và quy mô của sự bóc lột, tức là nghiên cứu tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư.

*1. Tỷ suất giá trị thặng dư*

- Khái niệm tỷ suất giá trị thặng dư:

Tỷ suất giá trị thặng dư (**m'**) là tỷ số tính theo % giữa giá trị thặng dư (m) với tư bản khả biến (v) cần thiết để sản xuất ra giá trị thặng dư đó.

Công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư:

$$m' = m/v \cdot 100\%$$

Công thức tỷ suất giá trị thặng dư còn có dạng:

$$m' = t'/t \cdot 100\%$$

Trong đó :  $t$  là thời gian lao động tất yếu

$t'$  là thời gian lao động thặng dư

- Sở dĩ có thể tính theo thời gian vì: trong tổng số thời gian mà người công nhân lao động cho nhà tư bản thì chỉ có một khoảng thời gian nhất định được trả công, phần thời gian còn lại không được trả công.

- Tỷ suất giá trị thặng dư phản ánh **mức độ bóc lột** của nhà tư bản đối với công nhân. Nó chỉ rõ, trong tổng số giá trị mới do sức lao động tạo ra thì công nhân được hưởng bao nhiêu, nhà tư bản chiếm đoạt bao nhiêu.

## 2. Khối lượng giá trị thặng dư

- Khái niệm khối lượng giá trị thặng dư:

Khối lượng giá trị thặng dư ( $M$ ) là tích số giữa tỷ suất và tổng tư bản khả biến đã được sử dụng. Công thức tính khối lượng giá trị thặng dư:

$$M = m' \cdot V$$

Trong đó: -  $M$  là khối lượng giá trị thặng dư,

-  $V$  là tổng tư bản khả biến được sử dụng trong thời gian trên

( $V = v \cdot n$ . Trong đó,  $v$  là giá trị sức lao động của người công nhân trong thời gian trên;  $n$  là số công nhân được nhà tư bản thuê trong thời gian trên).

- Khối lượng giá trị thặng dư tùy thuộc và tỷ lệ thuận vào cả hai nhân tố  $m'$  và  $V$ . Nói cách khác, khối lượng giá trị thặng dư phụ thuộc vào thời gian, cường độ lao động của mỗi công nhân và số lượng công nhân mà nhà tư bản sử dụng.

- Khối lượng giá trị thặng dư phản ánh **quy mô bóc lột** của nhà tư bản đối với công nhân làm thuê.

**Câu 11: Có những phương pháp bóc lột giá trị thặng dư nào trong CNTB? Phương pháp nào được sử dụng phổ biến trong thời đại ngày nay? Tại sao?**

**Trả lời:**

### 1. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư

- Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư bằng cách kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động không thay đổi.

Ngày lao động kéo dài nhưng thời gian lao động cần thiết không thay đổi, do đó thời gian lao động thặng dư tăng lên thì tỷ suất giá trị thặng dư càng cao, giá trị thặng dư tuyệt đối càng nhiều.

*Ví dụ:* Ngày lao động là 10h, trong đó thời gian lao động cần thiết là 5h, thời gian lao động thặng dư là 5h, ta có  $m' = 5/5 \times 100\% = 100\%$ . ( $m = v$ )

Nếu thời gian lao động tất yếu là không đổi (5h) mà ngày lao động bị kéo dài đến 12h thì thời gian lao động thặng dư sẽ là 7h, như vậy  $m' = 7/5 \times 100\% = 140\%$  ( $m = 1,4v$ )

*- Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối*

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối là phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư bằng cách rút ngắn thời gian lao động tất yếu để kéo dài thời gian lao động thặng dư một cách tương ứng trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội trong điều kiện độ dài ngày lao động không đổi.

*Ví dụ:* Ngày lao động là 10h, trong đó thời gian lao động tất yếu là 5h, thời gian lao động thặng dư là 5h, ta có:

$$m' = 5/5 \cdot 100\% = 100\% \quad (m = v)$$

Nếu ngày lao động không đổi (10h) mà thời gian lao động tất yếu bị rút ngắn lại còn 3h thì thời gian lao động thặng dư tăng lên 7h, như vậy ta có  $m'$  sẽ là:

$$m' = 7/3 \cdot 100\% = 233\% \quad (m = 2,33v)$$

*+ Giá trị thặng dư siêu ngạch*

Là sự chênh lệch giá trị xã hội và giá trị cá biệt của hàng hóa do các nhà tư bản đi đầu trong lĩnh vực cải tiến kỹ thuật làm ra.

Giá trị thặng dư siêu ngạch chính là động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy các nhà tư bản ra sức cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động.

Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối, vì giá trị thặng dư siêu ngạch và giá trị thặng dư tương đối đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động, chỉ khác ở chỗ một bên là tăng năng suất lao động cá biệt và một bên là tăng năng suất lao động xã hội.

*\* So sánh hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư:*

- *Giống nhau:* Cả hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối đều giống nhau về mục đích làm tăng giá trị thặng dư và kéo dài thời gian lao động thặng dư. Cả hai phương pháp đều làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư, do đó đều nâng cao trình độ bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê.

- *Khác nhau:* Nếu phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối được thực hiện bằng cách tăng thêm thời gian lao động trong ngày, còn thời gian lao động tất yếu không đổi, thì phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối lại bằng cách rút ngắn thời gian lao động tất yếu, trong khi ngày lao động không đổi hoặc được rút ngắn lại.

Nếu phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối dựa vào tăng cường độ lao động, thì phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối lại dựa vào tăng năng suất lao động, bóc lột yếu tố trí tuệ của lao động.

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối có giới hạn bởi thời gian tự nhiên trong ngày và bởi yếu tố về chất, tinh thần của người lao động, còn phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối không có giới hạn vì năng suất lao động có khả năng tăng lên vô hạn.

## *2. Phương pháp bóc lột giá trị thặng dư phổ biến trong thời đại ngày nay*

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối được chú ý áp dụng trong giai đoạn đầu của CNTB. Ngày nay, người ta sử dụng phổ biến phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối và siêu ngạch. Vì đặc trưng cơ bản của thời đại ngày nay là sự phát triển ngày càng cao của khoa học công nghệ. Các nước phát triển đang bước vào giai đoạn phát triển của kinh tế tri thức. Đây được xem là chìa khóa để không ngừng gia tăng năng suất lao động...

### *3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này*

Để đẩy mạnh phát triển sản xuất và tạo ra nhiều sản phẩm nhằm nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, chúng ta phải không ngừng nâng cao năng suất lao động. Muốn nâng cao năng suất lao động chúng ta cần:

- Tiến hành tổ chức lại sản xuất, thay đổi một cách cơ bản phương pháp lao động và phương pháp tổ chức quản lý.
- Tăng cường cải tiến kỹ thuật, đổi mới thiết bị công nghệ, áp dụng nhanh các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.

**Câu 12: Trình bày các cặp phạm trù tư bản cố định – tư bản lưu động; tư bản bất biến – tư bản khả biến? Nêu cơ sở phân chia các cặp phạm trù tư bản? Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này?**

**Trả lời:**

*1. Trình bày các cặp phạm trù tư bản cố định – tư bản lưu động; tư bản bất biến – tư bản khả biến:*

- *Cặp phạm trù tư bản bất biến - tư bản khả biến*
  - + *Tư bản bất biến* (Ký hiệu là: *c*) là bộ phận tư bản dùng để mua tư liệu sản xuất mà giá trị được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm, tức là không thay đổi về lượng giá trị của nó.
  - + *Tư bản khả biến* (ký hiệu là: *v*) là bộ phận tư bản dùng để mua sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về lượng.
- *Cặp phạm trù tư bản cố định - tư bản lưu động*
  - + *Tư bản cố định* (ký hiệu là *c1*) là bộ phận của tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng... tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó không chuyển hết một lần vào sản phẩm mà chuyển dần từng phần theo mức độ hao mòn của nó trong thời gian sản xuất.

+ *Tư bản lưu động* (ký hiệu là  $c_2 + v$ ) là bộ phận của tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao động... giá trị của nó được hoàn lại toàn bộ cho các nhà tư bản sau mỗi quá trình sản xuất khi hàng hóa được bán xong.

### *2. Nêu cơ sở phân chia các cặp phạm trù tư bản*

- Cơ sở phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến:

Đó là: căn cứ vào nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư (tư bản khả biến là nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư, tư bản bất biến là điều kiện để tư bản tư bản khả biến sinh ra giá trị thặng dư).

- Cơ sở phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động:

Đó là: Căn cứ vào phương thức chu chuyển giá trị (tư bản cố định chuyển giá trị từng phần vào sản phẩm, tư bản lưu động chuyển giá trị một lần vào trong sản phẩm)

### *3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này*

Giúp chúng ta thấy được nguồn gốc thực sự của giá trị mới được tạo ra trong quá trình sản xuất đó là tư bản khả biến, từ đó cũng cho thấy cơ sở của sự giàu có của chủ nghĩa tư bản là bóc lột lao động làm thuê.

Trong quá trình sản xuất, chúng ta có được biện pháp để tránh hao mòn hữu hình của tư bản cố định, biết tận dụng "sức làm việc của máy móc" để tránh hao mòn vô hình.

Có phương pháp đẩy nhanh tốc độ chu chuyển của tư bản lưu động thì trong sản xuất kinh doanh chúng ta sẽ có thêm được một lượng tư bản lưu động ứng trước, do đó tiết kiệm được tư bản ứng trước và tăng thêm giá trị thặng dư.

Có được cơ sở để quản lý, sử dụng vốn cố định, vốn lưu động một cách có hiệu quả.

**Câu 13: Hãy phân biệt lợi nhuận và giá trị thặng dư? Lợi nhuận thương nghiệp do đâu mà có? Cho ví dụ chứng minh?**

**Trả lời :**



### *1. Phân biệt lợi nhuận và giá trị thặng dư:*

#### *\* Giá trị thặng dư :*

Giá trị thặng dư là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không

#### *\* Lợi nhuận*

- *Lợi nhuận là giá trị thặng dư khi được quan niệm là con đẻ của tư bản ứng trước, là số dôi ra so với chi phí sản xuất TBCN. (Kí hiệu là p)*

Giá cả hàng hóa (P) = Chi phí sản xuất TBCN + Lợi nhuận

Hay:  $P = k + p$ .

Do nhà tư bản gộp hai nhân tố  $c + v$  thành chi phí sản xuất TBCN nên người ta không nhận thấy lợi nhuận sinh ra từ  $v$  mà lầm tưởng rằng  $c$  cũng tạo ra lợi nhuận.

*Về chất*, lợi nhuận có nguồn gốc từ giá trị thặng dư.

*Về lượng*, nếu cung bằng cầu thì giá cả hàng hóa bán ra đúng bằng giá trị của nó, do đó lợi nhuận bằng giá trị thặng dư ( $p = m$ ); nếu cung nhỏ hơn cầu thì giá cả hàng hóa lớn hơn giá trị hàng hóa, nên lợi nhuận lớn hơn giá trị thặng dư ( $p > m$ ); ngược lại, nếu cung lớn hơn cầu thì giá cả hàng hóa nhỏ hơn giá trị hàng hóa, nên lợi nhuận nhỏ hơn giá trị thặng dư ( $p < m$ ). Nhưng trong toàn xã hội, do tổng giá cả bằng tổng giá trị hàng hóa nên tổng lợi nhuận bằng tổng giá trị thặng dư. Tức là cơ sở của lợi nhuận là giá trị thặng dư. Giá trị thặng dư càng nhiều thì khối lượng lợi nhuận càng lớn và ngược lại. Cũng như giá cả xoay quanh giá trị hàng hóa thì mức lên xuống của lợi nhuận xoay quanh giá trị thặng dư. Chính sự không nhất trí về lượng giữa  $p$  và  $m$ , nên càng che dấu thực chất bóc lột của CNTB.

### *2. Nguồn gốc lợi nhuận thương nghiệp:*

Lợi nhuận thương nghiệp là một phần của giá trị thặng dư được sáng tạo trong quá trình sản xuất và do nhà tư bản công nghiệp nhường lại cho nhà tư bản thương nghiệp, để nhà tư bản thương nghiệp tiêu thụ hàng hóa cho mình.

Sở dĩ nhà tư bản thương nghiệp thu được khoản lợi nhuận này là vì nó có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nhà tư bản công nghiệp. Cụ thể là:

- Tư bản thương nghiệp đảm nhận lưu thông, nếu thiếu khâu này thì quá trình tái sản xuất của tư bản công nghiệp không thể được thực hiện liên tục. Nếu không có lợi nhuận, thì nhà tư bản thương nghiệp không có động lực để đảm nhiệm công việc đó.

- Tư bản thương nghiệp góp phần mở rộng quy mô tái sản xuất cho tư bản công nghiệp.

- Tư bản thương nghiệp góp phần mở rộng thị trường, tạo điều kiện cho công nghiệp phát triển.

- Do có nhà tư bản thương nghiệp, nên nhà tư bản công nghiệp được rảnh tay trong lưu thông để tập trung vào sản xuất, làm cho vốn của nó chu chuyển nhanh hơn, năng suất lao động cao hơn, nhờ đó lợi nhuận cũng cao hơn.

- Tư bản thương nghiệp không trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư, nhưng góp phần làm tăng năng suất lao động, làm tăng tỷ suất lợi nhuận chung của xã hội, góp phần tăng tích lũy cho tư bản công nghiệp.

Ví dụ: Quá trình phân chia giá trị thặng dư giữa nhà tư bản công nghiệp và nhà tư bản thương nghiệp:

Giả sử một nhà tư bản công nghiệp có số tư bản ứng trước là 900USD, cấu tạo hữu cơ của tư bản  $c/v = 4/1$  và  $m' = 100\%$ , thì giá trị của hàng hóa được sản xuất ra sẽ là:  $720c + 180v + 180m = 1.080 \text{ USD}$

Nếu nhà tư bản thương nghiệp đảm nhiệm việc thực hiện số hàng hóa trên và nó phải đầu tư 100 tư bản vào lĩnh vực lưu thông để mua hàng hóa, thì lượng tư bản chung là  $k = 900 + 100 = 1.000 \text{ USD}$ . Sự phân chia giá trị thặng dư sẽ được thực hiện theo cơ chế cạnh tranh để hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân giữa tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp. Lúc này, tỷ suất lợi nhuận bình quân chung sẽ là:

Căn cứ vào tỷ suất lợi nhuận bình quân (18%), lợi nhuận của nhà tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp sẽ là:

$$PCN = 900 \times 18\% = 162 \text{ USD}$$

$$\text{và } PTN = 100 \times 18\% = 18 \text{ USD}$$

Hoặc thông qua giá cả, nhà tư bản công nghiệp sẽ bán hàng cho nhà tư bản thương nghiệp với giá bán buôn công nghiệp:  $900 + 162 = 1.062 \text{ USD}$ . Nhà tư bản thương nghiệp bán lẻ hàng hóa cho người tiêu dùng theo đúng giá trị của nó ( $P = 1.080 \text{ USD}$ ), lợi nhuận thương nghiệp sẽ là:

$$PTN = 1080 - 1062 = 18 \text{ USD}$$

Như vậy, 18 USD PTN chính là giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất. Ở đây, nhà tư bản thương nghiệp không trực tiếp sản xuất ra giá trị thặng dư, nhưng tham gia trực tiếp phân phối giá trị thặng dư thông qua chức năng của nó.

**Câu 14: Giá trị thị trường và lợi nhuận bình quân được hình thành như thế nào? Phân tích sự giống nhau và khác nhau giữa cạnh tranh nội bộ ngành và cạnh tranh giữa các ngành trong kinh tế hàng hóa?**

**Trả lời:**

*Sự hình thành giá trị thị trường và lợi nhuận bình quân:*

*\* Sự hình thành giá trị thị trường:*

Kết quả cạnh tranh nội bộ ngành chính là nguồn gốc hình thành nên giá trị thị trường (giá trị xã hội) của từng loại hàng hóa. Điều kiện sản xuất trung bình trong một ngành thay đổi do kỹ thuật sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên, giá trị xã hội (giá trị thị trường) của hàng hóa giảm xuống.

Trong thực tế, các đơn vị sản xuất khác nhau do điều kiện sản xuất (điều kiện kỹ thuật, tổ chức sản xuất, trình độ tay nghề của công nhân...) khác nhau, cho nên hàng hóa có giá trị cá biệt khác nhau, nhưng trên thị trường các hàng hóa phải bán theo giá trị xã hội – giá trị thị trường.

*\* Sự hình thành lợi nhuận bình quân:*

Lợi nhuận bình quân là số lợi nhuận bằng nhau của những tư bản bằng nhau, đầu tư vào những ngành khác nhau, bất kể cấu tạo hữu cơ của tư bản như thế nào.

Kết quả của cạnh tranh giữa các ngành đã hình thành nên lợi nhuận bình quân bởi vì: cạnh tranh giữa các ngành là sự cạnh tranh giữa các ngành sản xuất khác nhau nhằm mục đích tìm nơi đầu tư có lợi hơn, tức là nơi nào có tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Khi hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân thì lượng lợi nhuận của tư bản ở các ngành sản xuất khác nhau đều tính theo tỷ suất lợi nhuận bình quân và do đó, nếu lượng tư bản ứng ra bằng nhau, dù đầu tư vào ngành nào cũng đều thu được lợi nhuận bằng nhau, đó chính là lợi nhuận bình quân.

*Phân tích sự giống nhau và khác nhau giữa cạnh tranh nội bộ ngành và cạnh tranh giữa các ngành trong kinh tế hàng hóa?*

\* *Cạnh tranh trong nội bộ ngành*: là sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp trong cùng một ngành, cùng sản xuất ra một loại hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa có lợi hơn để thu lợi nhuận siêu ngạch.

- Biện pháp cạnh tranh: Các nhà tư bản thường xuyên cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa xí nghiệp sản xuất ra thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa đó để thu lợi nhuận siêu ngạch.

- Kết quả của cạnh tranh nội bộ ngành là hình thành nên giá trị xã hội (giá trị thị trường) của từng loại hàng hóa.

\* *Cạnh tranh giữa các ngành*: là sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản kinh doanh trong các ngành sản xuất khác nhau nhằm giành giật nơi đầu tư có lợi nhất.

- Cơ sở cạnh tranh: vì c/v giữa các ngành có tốc độ chu chuyển khác nhau nên p' khác nhau. Từ đó các nhà tư bản cạnh tranh với nhau để tìm nơi đầu tư có lợi nhất, kết quả là hình thành p' chung cho tất cả các ngành.

- Biện pháp cạnh tranh: tự do di chuyển từ nơi có p' thấp đến nơi có p' cao hơn. Kết quả của cuộc cạnh tranh là hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất.

**Câu 15: Hiểu biết của anh (chị) về công ty cổ phần, tư bản giả và thị trường chứng khoán?**

**Trả lời:**

*\* Công ty cổ phần:*

- Là một loại hình xí nghiệp lớn mà vốn của nó hình thành từ sự đóng góp của nhiều người thông qua việc phát hành cổ phiếu.

- Cổ phiếu là một loại chứng khoán có giá do công ty cổ phần phát hành ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của người mua cổ phiếu (gọi là cổ đông), đảm bảo cho cổ đông được quyền nhận một phần thu nhập của công ty dưới hình thức lợi tức cổ phiếu (hay cổ tức) căn cứ vào giá trị cổ phần và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Cổ phiếu được mua bán trên thị trường chứng khoán theo thì giá cổ phiếu. thị giá này luôn biến động, một phần do sự biến động của tỷ suất lợi tức ngân hàng, một phần do những đánh giá về tình hình hoạt động của công ty cổ phần, về lợi tức cổ phiếu dự đoán sẽ thu được.

*\* Tư bản giả:*

- Tư bản giả là tư bản tồn tại dưới hình thức các chứng khoán có giá và mang lại thu nhập cho người sở hữu các chứng khoán đó.

Trên thực tế có hai loại chứng khoán phổ biến là: cổ phiếu do công ty cổ phần phát hành và trái phiếu.

Trái phiếu có hai loại:

+ Loại do các doanh nghiệp phát hành được gọi là trái phiếu do công ty hay trái phiếu doanh nghiệp với tư cách là những chứng khoán có giá chúng nhận khoản tiền vay nợ của doanh nghiệp đối với người mua trái phiếu. người mua trái phiếu không phải là cổ đông của DN mà chỉ đơn thuần là người cho DN

vay vốn. Hết hạn người sở hữu trái phiếu có quyền được hoàn trả số tiền đã mua trái phiếu theo mệnh giá kèm theo khoản lợi tức gọi là lợi tức trái phiếu.

+ Loại do chính phủ hay nhà nước phát hành gọi là trái phiếu chính phủ. Công trái về bản chất cũng là một loại trái phiếu chính phủ.

Về cơ bản, trái phiếu chính phủ hay trái phiếu DN cũng giống nhau, chỉ khác nhau ở chỗ chủ nợ của trái phiếu DN là DN, còn chủ nợ của trái phiếu chính phủ là nhà nước.

- Tư bản giả có đặc điểm sau:

*Một là, có thể mang lại thu nhập cho người sở hữu nó.*

*Hai là, có thể mua bán được.*

*Ba là, vì là tư bản giả nên sự tăng hay giảm giá mua bán củ nó trên thị trường không cần có sự thay đổi tương ứng của tư bản thật.*

*\* Thị trường chứng khoán*

- Chứng khoán là loại giấy tờ có giá như cổ phiếu, trái phiếu, công trái, kỳ phiếu, tín phiếu, văn tự cầm cố, các loại chứng chỉ quỹ đầu tư... Thị trường chứng khoán là loại thị trường mua bán các loại chứng khoán.

- Thị trường chứng khoán rất nhạy cảm với các biến động kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự..., là "phong vũ biểu" của nền kinh tế. Giá chứng khoán tăng biểu hiện nền kinh tế phát triển; ngược lại, biểu hiện nền kinh tế đang sa sút, khủng hoảng.

*\* Ý nghĩa nghiên cứu vấn đề này đối với nước ta hiện nay:*

- Việc nghiên cứu vấn đề công ty cổ phần và thị trường chứng khoán có vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế hàng hóa. Nó không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản.

- Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu vấn đề này để sử dụng chúng một cách hiệu quả và phù hợp là cần thiết.

+ Nó có tác dụng là đòn bẩy mạnh để tập trung các nguồn vốn chưa sử dụng nằm rải rác trong nhân dân, tập thể và thu hút được đầu tư nước ngoài để

phát triển sản xuất linh doanh. Huy động vốn đầu tư nước ngoài hiệu quả và giải quyết tốt mối quan hệ vấn đề sở hữu với quyền sử dụng, phát huy được sức mạnh của các thành phần kinh tế khác nhau nhằm ổn định giá cả, chống lạm phát và thực hiện tốt việc lưu thông tiền tệ ở nước ta hiện nay.

+ Nó tạo điều kiện thực hiện quyền tự chủ kinh doanh, cho phép kết hợp các loại lợi ích kinh tế; là hình thức sở hữu khác, là cơ sở lí luận để tiến hành cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước.

Với ý nghĩa đó, Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định cần phải thực hiện các biện pháp đồng bộ phát triển nhanh thị trường chứng khoán thành một kênh huy động vốn quan trọng trong nền kinh tế.

**Câu 16: Phân tích hoạt động của quy luật giá trị trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh và giai đoạn CNTB độc quyền?**

**Trả lời:**

CNTB phát triển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền đã mang những quan hệ mới nhưng nó không vượt ra khỏi các quy luật kinh tế mà nó chỉ tiếp tục mở rộng phát triển những xu thế sâu sắc nhất của CNTB và nền sản xuất hàng hóa nói chung, làm cho các quy luật kinh tế của nền sản xuất hàng hóa và của CNTB có những biểu hiện mới.

*Sự hoạt động của quy luật giá trị trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh:*

Trong giai đoạn tự do cạnh tranh, các tổ chức sản xuất tự do tham gia vào quá trình sản xuất hàng hoá, trên thị trường có nhiều nhà sản xuất, cung cấp khác nhau cùng tồn tại, quy luật giá trị đóng vai trò quyết định duy trì sự ổn định và phát triển của nền sản xuất hàng hoá. Tuân thủ theo quy luật này, hoạt động sản xuất và lưu thông hàng hoá phải tuân thủ theo sự hao phí sức lao động xã hội cần thiết.

- *Trong sản xuất:* Người sản xuất phải làm sao cho chi phí cá biệt nhỏ hơn hoặc bằng chi phí xã hội.

- *Trong trao đổi*: Phải thực hiện theo nguyên tắc ngang giá (đúng giá trị). Nếu bán cao hơn giá trị thì hàng hóa không bán được, không thu hồi vốn, bán thấp hơn giá trị sẽ thua lỗ, phá sản. Tức là giá trị của hàng hoá là cơ sở để định giá cả hàng hoá. Nếu hàng hóa có nhiều giá trị thì giá cả cao và ngược lại. Tuy nhiên, giá cả hàng hóa trên thị trường còn chịu sự tác động của nhiều nhân tố như cạnh tranh, cung cầu... Vì vậy, giá cả lên xuống xoay xung quanh giá trị, đó chính là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị. Thông qua sự vận động của giá cả thị trường mà quy luật giá trị phát huy tác dụng.

Cơ chế tác động của quy luật giá trị được thể hiện cả trong trường hợp giá cả bằng giá trị, cả trong trường hợp giá cả lên xuống xung quanh giá trị.

*Sự hoạt động của quy luật giá trị trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền:*

- Do chiếm được vị trí độc quyền nên các tổ chức độc quyền đã áp đặt giá cả độc quyền; giá cả độc quyền thấp khi mua, giá cả độc quyền cao khi bán. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa quy luật giá trị không còn hoạt động.

- Về thực chất, giá cả độc quyền vẫn không thoát ly và không phủ định cơ sở của nó là giá trị. Các tổ chức độc quyền thi hành chính sách giá cả độc quyền chẳng qua là chiếm đoạt một phần giá trị và giá trị thặng dư của những người khác. Nếu xem xét trong toàn bộ hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa thì tổng số giá cả vẫn bằng tổng số giá trị.

Như vậy, nếu như trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả sản xuất, thì trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả độc quyền.



**Câu 16: Tích lũy tư bản là gì ? Quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào những nhân tố nào? Ý nghĩa của việc nghiên cứu tích lũy tư bản đối với nền kinh tế nước ta hiện nay?**

**Trả lời :**

*Tích lũy tư bản là gì?*

Tích lũy tư bản là sự chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản hay là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư.

Nói một cách cụ thể, tích lũy tư bản là tái sản xuất ra tư bản với quy mô ngày càng mở rộng. Do vậy, nguồn gốc của tích lũy tư bản là giá trị thặng dư.

*2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản*

Việc xem xét những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản phải được chia làm hai trường hợp:

- *Một là*, trường hợp khối lượng giá trị thặng dư không đổi thì quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào tỷ lệ phân chia khối lượng giá trị thặng dư thành hai quỹ: quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng của nhà tư bản, nếu tỷ lệ này tăng lên thì quy mô tích lũy tư bản tăng và ngược lại.

- *Hai là*, nếu tỷ lệ phân chia đó là xác định thì quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào khối lượng giá trị thặng dư, nếu khối lượng giá trị thặng dư càng nhiều thì quy mô tích lũy tư bản càng tăng và ngược lại. Trong trường hợp này, khối lượng giá trị thặng dư phụ thuộc vào các nhân tố sau:

+ *Trình độ bóc lột sức lao động (m')*: để tăng tích lũy, nhà tư bản phải tìm biện pháp kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động hoặc cắt xén tiền công. Do vậy, khối lượng giá trị thặng dư càng lớn và quy mô của tích lũy tư bản càng lớn.

+ *Trình độ năng suất lao động xã hội*: Nếu năng suất lao động xã hội tăng, thì giá cả tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng giảm xuống. Trong điều kiện này, với khối lượng giá trị thặng dư nhất định, phần dành cho tích lũy sẽ tăng trong khi tiêu dùng của nhà tư bản không giảm và có thể nhiều hơn trước; hoặc một chuyển hóa

thành nhiều yếu tố sản xuất hơn. Khi năng suất lao động tăng, thì lao động quá khứ đó lại tái hiện dưới hình thái có ích mới, được sử dụng làm chức năng cầu tư bản ngày càng nhiều, do đó làm tăng quy mô tư bản.

+ *Sự chênh lệch ngày càng tăng giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng:*

Tư bản sử dụng là lượng tư bản biểu hiện dưới dạng tư liệu lao động như máy móc, thiết bị, nhà xưởng được đưa vào sản xuất. Tư bản tiêu dùng là phần tư bản sử dụng được chuyển vào sản phẩm mới dưới hình thức khấu hao.

Trong quá trình sản xuất, tất cả các bộ phận cầu tư bản sử dụng đều hoạt động, nhưng chúng chỉ hao mòn dần, giá trị của chúng chuyển dần vào sản phẩm mới. Mặc dù vậy, trong suốt thời gian hoạt động, nó vẫn có công dụng như khi còn đủ giá trị. Nên nếu không kể đến phần giá trị đã chuyển vào sản phẩm mới, thì máy móc phục vụ không công chẳng khác gì lực lượng tự nhiên.

Lực lượng sản xuất càng phát triển, máy móc càng hiện đại, phần giá trị của nó chuyển vào sản phẩm mới trong cùng một thời gian càng ít, thì sự chênh lệch giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng càng lớn, do đó sự phục vụ không công càng lớn, quy mô tích lũy càng tăng.

+ *Quy mô của tư bản ứng trước:* Nếu tỷ suất giá trị thặng dư không đổi, quy mô của tư bản ứng trước nhất là bộ phận tư bản khả biến càng lớn, thì khối lượng giá trị thặng dư càng lớn và quy mô tích lũy tư bản càng tăng.

Tóm lại, để nâng cao quy mô tích lũy tư bản, cần khai thác triệt để lực lượng lao động xã hội, tăng năng suất lao động, sử dụng triệt để năng lực thiết bị, máy móc và tăng quy mô vốn đầu tư.

*3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tích lũy tư bản đối với nền kinh tế nước ta hiện nay*

Nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Nhu cầu tích lũy vốn rất lớn và đang mâu thuẫn gay gắt với tình trạng xuất phát điểm của nền kinh tế còn thấp, thu nhập của người dân ít. Việc nghiên cứu tích lũy tư bản có ý nghĩa xây

dựng cơ sở lý thuyết cho việc tìm kiếm giải pháp về vốn nhằm đẩy mạnh CNH, HĐH và thực hiện tái sản xuất mở rộng nền kinh tế quốc dân.

Đó là, phải có cơ chế huy động mọi nguồn lực của xã hội (lao động, tài nguyên, vốn, công nghệ...) vào sản xuất, tăng thu nhập, tạo nguồn vốn tích lũy. Phải giải quyết tốt mâu thuẫn giữa tích lũy và tiêu dùng theo hướng ưu tiên cho tích lũy; thực hiện quay vòng vốn nhanh. Đặc biệt, phải nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong nền kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

**Câu 18: Tuần hoàn và chu chuyển tư bản là gì? Tác dụng và phương pháp làm tăng tốc độ chu chuyển của tư bản?**

**Trả lời:**

*1. Tuần hoàn và chu chuyển của tư bản*

*- Khái niệm tuần hoàn tư bản*

Tuần hoàn tư bản là sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái, thực hiện ba chức năng rồi trở lại hình thái ban đầu với giá trị không chỉ được bảo tồn mà còn tăng lên.

*- Khái niệm chu chuyển tư bản*

Chu chuyển tư bản là sự tuần hoàn tư bản nếu xét nó là một quá trình định kỳ đổi mới, diễn ra liên tục và lặp đi lặp lại không ngừng. Chu chuyển tư bản phản ánh tốc độ vận động nhanh hay chậm của tư bản.

*- Thời gian chu chuyển*

Thời gian chu chuyển tư bản bao gồm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông.

+ Thời gian sản xuất là thời gian tư bản nằm trong lĩnh vực sản xuất như thời gian lao động, thời gian gián đoạn sản xuất, thời gian dự trữ sản xuất.

+ Thời gian lưu thông là thời gian tư bản nằm trong lĩnh vực lưu thông như thời gian mua các yếu tố sản xuất và thời gian bán hàng

*- Vòng chu chuyển*

Thời gian chu chuyển của tư bản ở các ngành khác nhau là khác. Muốn tính toán và so sánh với nhau phải tính toán được tốc độ (hay vòng quay) của tổng tư bản ứng trước.

Công thức tính:  $n = CH/ch$ .

Trong đó: -  $n$ : là số vòng (hay lần) chu chuyển của tư bản

-  $CH$ : là thời gian một năm

-  $ch$ : là thời gian cho 1 vòng chu chuyển của tư bản

### *2. Tác dụng của việc tăng tốc độ của chu chuyển tư bản*

- Thời gian chu chuyển của tư bản càng rút ngắn thì tốc độ chu chuyển tư bản càng cao, càng tạo điều kiện cho giá trị thặng dư được sản xuất ra nhiều hơn, tư bản càng lớn nhanh hơn.

- *Đối với tư bản cố định*: tăng tốc độ chu chuyển tư bản sẽ tiết kiệm chi phí bảo quản, sửa chữa tài sản cố định; giảm được hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình, cho phép đổi mới nhanh máy móc, thiết bị.

- *Đối với tư bản lưu động*, tăng tốc độ chu chuyển sẽ có tác dụng to lớn: tiết kiệm được tư bản ứng trước, tăng giá trị thặng dư...

- *Đối với tư bản khả biến*, việc tăng tốc độ chu chuyển tư bản có tác động trực tiếp đến việc làm tăng tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư hàng năm.

### *3. Phương pháp đẩy nhanh tốc độ chu chuyển của tư bản*

- Rút ngắn thời gian chu chuyển tư bản bằng cách rút ngắn thời gian sản xuất và thời gian lưu thông.

- Để rút ngắn thời gian sản xuất, nhà tư bản cần nâng cao năng suất lao động, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Để rút ngắn thời gian lưu thông, cần hoàn thiện kết cấu hạ tầng: đường sá, phương tiện giao thông, cầu đường, bến bãi; phát triển thị trường...

- Khấu hao nhanh tư bản cố định để rút ngắn thời gian chu chuyển chung và chu chuyển thực tế của tư bản.

**Câu 19: Nói tự do cạnh tranh phát triển đến một mức độ nhất định (dẫn đến tích tụ, tập trung tư bản) tất yếu sinh ra độc quyền đúng hay sai? Giải thích vì sao?**

**Trả lời:**

Nói tự do cạnh tranh phát triển đến một mức độ nhất định (dẫn đến tích tụ, tập trung tư bản) tất yếu sinh ra độc quyền là đúng. Bởi vì:

Theo Lênin "tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền". Sự tự do cạnh tranh là điều kiện để các nhà tư bản đẩy mạnh quá trình tích tụ và tập trung tư bản. Điều này làm xuất hiện nguyên nhân, tiền đề ra đời hiện tượng độc quyền và các tổ chức độc quyền.

*Một là*, Tự do cạnh tranh khiến lực lượng sản xuất không ngừng phát triển dưới tác dụng của tiến bộ khoa học - kỹ thuật, làm xuất hiện những ngành sản xuất mới mà ngay từ đầu đã là những ngành có trình độ tích tụ cao. Đó là những xí nghiệp lớn, đòi hỏi những hình thức kinh tế tổ chức mới.

*Hai là*, cạnh tranh tự do, *một mặt*, buộc các nhà tư bản phải cải tiến kỹ thuật, tăng quy mô tích lũy; *mặt khác*, dẫn đến nhiều doanh nghiệp nhỏ, trình độ kỹ thuật kém hoặc bị các đối thủ mạnh hơn thôn tính, hoặc phải liên kết với nhau để đứng vững trong cạnh tranh. Vì vậy, xuất hiện một số xí nghiệp tư bản lớn nắm địa vị thống trị một ngành hay trong một số ngành công nghiệp.

*Ba là*, khủng hoảng kinh tế làm cho nhiều xí nghiệp nhỏ và vừa bị phá sản; một số sống sót phải đổi mới kỹ thuật để thoát khỏi khủng hoảng, do đó thúc đẩy quá trình tập trung sản xuất. Tín dụng tư bản chủ nghĩa mở rộng, trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy tập trung sản xuất, tạo tiền đề cho các tổ chức độc quyền xuất hiện

*Bốn là*, những xí nghiệp và công ty lớn có tiềm lực kinh tế mạnh tiếp tục cạnh tranh với nhau ngày càng khốc liệt, khó phân thắng bại, vì thế nảy sinh xu hướng thỏa hiệp, từ đó hình thành các tổ chức độc quyền

**Câu 20: Phân tích vai trò của nhà nước trong chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước? Nhà nước tư sản điều tiết nền kinh tế bằng những công cụ gì?**

**Trả lời:**

*Vai trò của nhà nước trong chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước:*

Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự kết hợp sức mạnh của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư sản thành một thiết chế và thể chế thống nhất, trong đó nhà nước tư sản bị phụ thuộc vào các tổ chức độc quyền và can thiệp vào các quá trình kinh tế nhằm bảo vệ lợi ích của các tổ chức độc quyền và cứu nguy cho CNTB.

Bất cứ một nhà nước nào cũng có vai trò kinh tế nhất định đối với xã hội mà nó thống trị, song ở mỗi chế độ xã hội, vai trò kinh tế của nhà nước có sự biến đổi thích hợp đối với xã hội đó.

Vai trò của nhà nước trong CNTB là điều tiết kinh tế. Cùng với sự phát triển của CNTB, vai trò của nhà nước tư sản không chỉ can thiệp vào nền sản xuất xã hội bằng thuế, luật pháp mà còn có vai trò tổ chức và quản lý các xí nghiệp thuộc khu vực kinh tế nhà nước, điều tiết bằng các biện pháp đòn bẩy kinh tế vào tất cả các khâu của quá trình tái sản xuất: sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng...

Hệ thống điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản là một tổng thể những thiết chế và thể chế kinh tế của nhà nước. Nó bao gồm bộ máy quản lý gắn với hệ thống chính sách, công cụ có khả năng điều tiết sự vận động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội theo hướng có lợi cho tầng lớp tư bản độc quyền.

Các chính sách kinh tế của nhà nước tư sản là thể hiện rõ nét nhất vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước tư sản trong giai đoạn CNTB độc quyền nhà nước hiện nay. Chúng bao gồm nhiều lĩnh vực như: chính sách chống khủng hoảng

Tài liệu ôn tập Những NLCB của CN Mác-Lênin Phần 2 (2017) - Khoa LLCT - ĐH Kiến Trúc Hà Nội

---

kinh tế theo chu kỳ, chống lạm phát, chính sách tăng trưởng kinh tế, chính sách xã hội, chính sách kinh tế đối ngoại.

*Nhà nước tư sản điều tiết nền kinh tế bằng những công cụ sau:*

Các công cụ chủ yếu của nhà nước tư sản dùng để điều tiết kinh tế và thực hiện các chính sách kinh tế là:

- Ngân sách
- Thuế
- Hệ thống tiền tệ - tín dụng.
- Các doanh nghiệp nhà nước
- Kế hoạch hóa hay chương trình hóa kinh tế
- Công cụ hành chính- pháp luật

**Câu 21: Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân?**

**Biểu hiện mới của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay?**

**Trả lời:**

*1. Quan điểm của Mác- Ăngghen về hai đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân*

*Thứ nhất, về phương thức lao động của GCCN. GCCN là tập đoàn những người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có trình độ xã hội hóa ngày càng cao.*

*Thứ hai, về địa vị của GCCN trong hệ thống quan hệ sản xuất TBCN. Người công nhân không có tư liệu sản xuất, họ buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống. Đây chính là đặc trưng cho GCCN trở thành giai cấp vô sản, giai cấp lao động làm thuê cho giai cấp tư sản và trở thành lực lượng đối kháng với giai cấp tư sản.*

*Khái niệm GCCN: “GCCN là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính xã hội hóa ngày càng cao, là lực lượng sản xuất cơ bản, tiên tiến, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản*

*xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo quan hệ xã hội; là lực lượng chủ yếu của tiến trình quá độ từ CNTB lên CNXH. Ở các nước TBCN, GCCN là những người không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; ở các nước XHCN, họ là người đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của bản thân họ.*

## *2. Biểu hiện mới của GCCN trong thời đại ngày nay:*

Hiện nay, cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển gắn với nền kinh tế tri thức và các cuộc đấu tranh của GCCN, nhân dân lao động để bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ngày càng phát triển mà mở rộng. Trong điều kiện lịch sử đó, GCCN đã có những biến đổi quan trọng và mang trong mình những đặc điểm mới:

- Cơ cấu xã hội của GCCN ngày càng đa dạng, không chỉ bao gồm những người lao động công nghiệp trực tiếp tạo ra các giá trị vật chất cho xã hội, mà còn bao gồm những người lao động trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp.

- Tính chất lao động của GCCN thay đổi, không chỉ là những người lao động chân tay, mà còn là những người lao động trí óc, lao động sản xuất với trình độ trí tuệ cao (công nhân – tri thức) có nghiên cứu, sáng chế.

- Ở các nước đi theo con đường XHCN, GCCN trở thành con người làm chủ, nắm quyền lãnh đạo xã hội.

- Ở các nước TBCN, một bộ phận ngày càng đông GCCN ít nhiều có tư liệu sản xuất, có cổ phần. Song, họ vẫn là những người đi làm thuê và bị bóc lột, trong thực tế, số cổ phần và tư liệu sản xuất của GCCN chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ, còn tuyệt đại bộ phận tư liệu sản xuất trong các nước TBCN vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản.



**Câu 22: Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản có phù hợp với quy luật khách quan không? Vì sao? Anh (chị) hiểu quan niệm “bỏ qua” ở đây là gì?**

**Trả lời:**

*1. Việt nam quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN phù hợp với quy luật khách quan không?*

Việt nam quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN phù hợp với quy luật khách quan. Bởi vì:

*\* Cơ sở lý luận*

Chủ nghĩa Mác- Lênin đã khẳng định sự phát triển của các hình thái kinh tế- xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên. Tuy nhiên, đối với mỗi nước do điều kiện lịch sử khác nhau nên không nhất thiết phải tuần tự qua năm hình thái kinh tế- xã hội từ thấp đến cao mà có thể bỏ qua một trong những hình thái kinh tế - xã hội này chuyển lên một hình thái kinh tế - xã hội phát triển cao hơn. Do vậy chúng ta bỏ qua CNTB chuyển lên CNXH cũng không nằm ngoài lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin.

*\* Cơ sở thực tiễn*

- Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917 thắng lợi, đã mở ra một thời đại mới- thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, tạo điều kiện cho GCCN các nước giải phóng dân tộc sau khi giành chính quyền có thể thực hiện chuyển lên cách mạng XHCN, xây dựng CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

- Trước khi Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, đã có một số sĩ phu yêu nước cũng đã đi tìm đường cứu nước. Tuy nhiên chưa có ai tìm ra con đường đúng đắn cho dân tộc.

- Hiện nay, CNTB đang có sự điều chỉnh về nhiều mặt để thích nghi và phát triển. Tuy nhiên, bản chất của chế độ áp bức bóc lột thì không hề thay đổi. Quyền lực kinh tế nằm trong tay các tập đoàn tư bản, quyền lực chính trị giành cho thiểu số. Nền kinh tế vẫn dựa trên chế độ tư hữu tư nhân về sản xuất, khoảng

cách giàu nghèo trong xã hội ngày càng tăng; phân biệt màu da, chủng tộc chưa được khắc phục; nhiều tệ nạn xã hội chưa được giải quyết; khủng bố, chiến tranh là vấn đề nan giải... Do vậy, CNTB không phải là một tương lai loài người hướng đến.

- Từ sau khi XHCN ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, khủng hoảng kinh tế, xã hội ở các nước này diễn ra càng nhiều. Đời sống nhân dân đang gặp nhiều khó khăn cần giải quyết.... Đây chính là bài học quý báu cho chúng ta khi lựa chọn con đường đổi mới.

- Thực tế lịch sử cho thấy, nhân dân ta đứng lên làm cách mạng và chịu bao hi sinh mất mát của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước nhằm mục đích xây dựng chế độ XHCN mà nhân dân lao động làm chủ. Nên chế độ đó không tìm được ở bất kỳ chế độ xã hội nào mà chỉ có duy nhất ở chế độ XHCN.

*\* Việt Nam có đủ các điều kiện cần thiết để “bỏ qua”*

*- Về khách quan*

+ *Thứ nhất* đó là yếu tố thời đại. Thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới đã tác động và tạo khách quan cho các dân tộc đi lên, lựa chọn con đường XHCN bỏ qua chế độ TBCN.

+ *Thứ hai*, cuộc cách mạng KHCN hiện đại trên thế giới đã phát triển mạnh mẽ mang tính quốc tế hóa lực lượng sản xuất tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam giao lưu và hợp tác quốc tế để thực hiện bước “rút ngắn” cho các quốc gia dân tộc phát triển không theo con đường TBCN; tiếp thu KHCN kỹ thuật tiên tiến, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH.

Ngoài ra Việt Nam còn có sự đoàn kết, ủng hộ của quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiên định đi lên XHCN.

*- Về chủ quan:*

+ Có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam bằng đường lối chủ trương đúng đắn; có Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

+ Có hệ thống chính trị vững mạnh, kiên định con đường đi lên XHCN.

+ Có khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tất cả những điều nói trên, có thể khẳng định Việt Nam đã đi lên XHCN bỏ qua chế độ CNTB dựa trên cơ sở và thực tiễn đúng đắn, hợp lý phù hợp với quy luật khách quan, phù hợp với lịch sử và mong muốn cháy bỏng của nhân dân Việt Nam.

## *2. Quan niệm “bỏ qua” chế độ TBCN:*

- Không phủ nhận sạch trơn, cần phải kế thừa những giá trị của nhân loại và thời đại, trong đó có những giá trị được tạo ra trong CNTB.

- Không phải là nhảy cóc, đốt cháy giai đoạn.

- Giữ vững định hướng XHCN.

\*Thực chất của “bỏ qua” chế độ TBCN là:

- Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị về chính trị của giai cấp tư sản.

- Bỏ qua chế độ sở hữu tư nhân TBCN.

- Phải tiếp thu những thành tựu khoa học – công nghệ đạt được trong CNTB.

- Học tập kinh nghiệm tổ chức, quản lý kinh tế, quản lý xã hội và giáo dục của CNTB.

- Học tập kinh nghiệm về cách thức tổ chức nhà nước pháp quyền và xã hội công dân.

**Câu 23: Trong thời đại khoa học công nghệ và kinh tế tri thức phát triển như hiện nay, vai trò lãnh đạo xã hội thuộc về giai cấp công nhân hay thuộc về đội ngũ trí thức? Vì sao?**

Câu này, theo tôi cần ngắn gọn hơn.

**Trả lời:**

Trong thời đại khoa học công nghệ và kinh tế tri thức phát triển như hiện nay, vai trò lãnh đạo xã hội thuộc về GCCN, vì:

### *Sứ mệnh lịch sử của GCCN*

Sứ mệnh lịch sử của một giai cấp là toàn bộ những nhiệm vụ lịch sử giao phó cho một giai cấp để nó thực hiện bước tiếp chuyển cách mạng từ một hình thái kinh tế - xã hội đã lỗi thời sang hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn, tiến bộ hơn.

Trên cơ sở phân tích một cách khách quan địa vị kinh tế - xã hội của GCCN, các nhà sáng lập ra CNXH khoa học đã nêu lên một cách khái quát nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN là: giai cấp có sứ mệnh lãnh đạo và tổ chức nhân dân lao động xóa bỏ chế độ TBCN, xây dựng xã hội CSCN, không có người bóc lột người trên cơ sở công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

*2. Thời đại hiện nay vẫn là thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH nên vẫn đang có những mâu thuẫn cơ bản:*

- Mâu thuẫn giữa CNXH và CNTB
- Mâu thuẫn giữa GCTS và GCCN, giữa TB và LD
- Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với CNĐQ
- Mâu thuẫn giữa các nước tư bản với nhau

*3. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử GCCN vẫn đang tồn tại:*

- *Do đặc điểm kinh tế xã hội của GCCN quy định*

*Thứ nhất*, GCCN là bộ phận quan trọng nhất, cách mạng nhất trong các bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất tiên tiến nhất dưới CNTB. Trong nền sản xuất hiện đại, GCCN vừa là chủ thể trực tiếp, vừa là sản phẩm căn bản nhất của nền sx đó. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với đại công nghiệp, còn GCCN lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp. GCCN hiện đại có xu hướng ngày càng được tri thức hóa. Có điều này là bởi do yêu cầu khách quan của sự phát triển công nghiệp trong thời đại mà khoa học và công nghệ đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

*Thứ hai*, do không có tư liệu sản xuất nên GCCN phải bán sức lao động của mình cho nhà tư bản và bị nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư, họ bị lệ thuộc hoàn toàn trong quá trình phân phối các kết quả lao động của chính mình. Do vậy,

về mặt lợi ích GCCN là giai cấp đối kháng trực tiếp với giai cấp tư sản. Xét về bản chất, họ là giai cấp cách mạng triệt để nhất chống lại chế độ áp bức, bóc lột tư bản chủ nghĩa. Điều kiện sinh hoạt khách quan của họ quy định rằng, họ chỉ có thể tự giải phóng bằng cách giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng ấy, họ không mất gì ngoài xiềng xích và được cả thế giới về mình.

*Thứ ba*, GCCN có lợi ích căn bản thống nhất với lợi ích của toàn thể nhân dân lao động nên họ có thể tập hợp, đoàn kết, lãnh đạo đông đảo quần chúng đi theo làm cách mạng, đồng thời họ cũng là người đi đầu trong cuộc đấu tranh của toàn thể nhân dân lao động và của dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*- Do đặc điểm chính trị của GCCN quy định*

*Thứ nhất*, GCCN là giai cấp tiên phong cách mạng.

GCCN là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất, chế độ xã hội tiên tiến nhất. GCCN luôn phát triển và lớn mạnh không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại. Cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột vì dân sinh dân chủ, cải thiện điều kiện làm việc đã tôi luyện cho GCCN có những phẩm chất cần thiết cho công cuộc đấu tranh. Lợi ích căn bản của GCCN thống nhất với lợi ích căn bản của nhân dân lao động nên họ có đủ khả năng và điều kiện tập hợp quần chúng nhân dân làm cách mạng.

*Thứ hai*, GCCN là giai cấp có tính cách mạng triệt để.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng, tất cả các giai cấp khác đều là những tầng lớp trung đẳng .... Đó là do GCCN không gắn với tư hữu, do vậy, họ kiên định trong cuộc đấu tranh xóa bỏ CNTB và xây dựng xã hội mới”.

*Thứ ba*, GCCN có ý thức tổ chức kỷ luật cao.

Môi trường làm việc của GCCN là sản xuất tập trung cao và có trình độ kỹ thuật ngày càng hiện đại, có cơ cấu tổ chức ngày càng chặt chẽ, làm việc theo dây chuyền buộc GCCN phải luôn tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động. Do yêu cầu

Tài liệu ôn tập Những NLCB của CN Mác-Lênin Phần 2 (2017) - Khoa LLCT - ĐH Kiến Trúc Hà Nội

---

của cuộc đấu tranh giai cấp chống lại giai cấp tư sản - là một giai cấp có tiềm lực về kinh tế - kỹ thuật nên GCCN phải đấu tranh bằng phẩm chất kỷ luật của mình.

*Thứ tư, GCCN có bản chất quốc tế.*

GCCN ở tất cả các nước đều có chung một mục đích là giải phóng mình đồng thời giải phóng xã hội khỏi áp bức bóc lột và họ đều có chung một kẻ thù là giai cấp tư sản bóc lột. Và cũng do yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp, để chống lại chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản khi mà chúng đã liên kết với nhau thành tập đoàn tư bản, chủ nghĩa đế quốc, vì vậy mà GCCN càng phải nêu cao tinh thần quốc tế của giai cấp mình.

*4. Đặc điểm của đội ngũ trí thức cho thấy họ không thể đảm nhận được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân:*

- Là lực lượng lao động trí tuệ đặc biệt và có vai trò to lớn trong sự phát triển xã hội
- Đội ngũ trí thức không phải là lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất vật chất chủ yếu của xã hội.
- Đội ngũ trí thức không có hệ tư tưởng riêng
- Hiện nay, mặc dù CNTB đang có những thay đổi để thích nghi với tình hình mới nhưng bản chất bóc lột thì không thay đổi. Do vậy, mâu thuẫn cơ bản không thể khắc phục được nếu không thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa do GCCN tổ chức và lãnh đạo.

*5. Liên hệ với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, GCCN đã nỗ lực trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình thể hiện như sau:

- Lãnh đạo nhân dân Việt Nam hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, thiết lập chính quyền giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đưa cả nước bước vào thời kì quá độ lên CHXH.
- Lãnh đạo nhân dân Việt Nam vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

GCCN Việt nam chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử và khẳng định được vai trò của mình khi có một chính đảng tiên phong, có đủ năng lực, trí tuệ, bản lĩnh và kinh nghiệm tổ chức và lãnh đạo. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng chỉ có thể thực hiện được vai trò lãnh đạo của mình khi đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, lấy giai cấp công nhân làm cơ sở vật chất, chính trị, xã hội của mình để củng cố và phát triển.

**Câu 24: Nội dung cơ bản nhất sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì? Phân tích điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình?**

**Trả lời:**

*Nội dung cơ bản nhất sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì?*

Nội dung SMLS của GCCN là: giai cấp có sứ mệnh lãnh đạo và tổ chức nhân dân lao động xóa bỏ chế độ TBCN, xây dựng xã hội CSCN, không có người bóc lột người trên cơ sở công hữu về TLSX chủ yếu.

*2.Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình:*

Sứ mệnh lịch sử của GCCN là tất yếu khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Song, cũng giống như các quy luật xã hội khác nó chỉ diễn ra khi có sự tác động chủ quan của con người. Trong quá trình thực hiện SMLS của GCCN có ba yếu tố chủ quan cơ bản sau:

- Bản thân GCCN phải có sự trưởng thành về số lượng và chất lượng ngay trong quá trình sản xuất công nghiệp ngày càng hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và trong mọi quá trình hoạt động chính trị - xã hội; có sự giác ngộ về CNMLN, có lập trường giai cấp vững vàng, tích cực tham gia các hoạt động để xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ...

- Đảng Cộng sản.

+ GCCN muốn đấu tranh để giải phóng mình và giải phóng toàn xã hội thì phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo, đề ra được mục tiêu, đường lối, con đường, biện pháp đấu tranh đúng đắn.

+ Muốn thực hiện mục tiêu trên, GCCN phải được trang bị lý luận CNMLN. Khi CNMLN đã thâm nhập được vào phong trào công nhân sẽ dẫn đến sự ra đời chính đảng của GCCN – Đảng Cộng sản. Từ khi có Đảng, phong trào đấu tranh của GCCN mới chuyển từ tự phát lên tự giác và GCCN trở thành giai cấp thực sự cách mạng.

+ ĐCS là nhân tố hàng đầu, lãnh đạo và tổ chức quá trình thực hiện SMLS của GCCN để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội con người. Vì vậy, ĐCS phải thực sự trong sạch, vững mạnh trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Phải thực hiện đoàn kết mọi lực lượng trong quá trình cách mạng.

+ GCCN và chính ĐCS vừa phải là nhân tố trung tâm, vừa phải thực hiện được đoàn kết mọi lực lượng xã hội, trước hết là đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

+ Đấu tranh chống mọi tư tưởng, âm mưu hành động chia rẽ đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đây là nhân tố xã hội, nhân lên sức mạnh cho GCCN thực hiện sứ mệnh của mình.

Ba yếu tố chủ quan trên có quan hệ biện chứng lẫn nhau, bảo đảm điều kiện cho GCCN hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

**Câu 25: Hai xu hướng cơ bản của phong trào dân tộc trong thời đại ngày nay là gì? Chúng ta cần phải làm gì để đảm bảo sự thống nhất giữa hai xu hướng đó?**

**Trả lời:**

*1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc:*

*\* Khái niệm dân tộc:*



- *Theo nghĩa hẹp*: khái niệm dân tộc dùng để chỉ cộng đồng người cụ thể nào đó có những mối liên hệ chặt chẽ, bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ chung của cộng đồng và trong sinh hoạt văn hóa có những nét đặc thù so với những cộng đồng khác, xuất hiện sau cộng đồng bộ lạc, có sự kế thừa và phát triển hơn những nhân tố tộc người ở cộng đồng bộ lạc và thể hiện thành ý thức tự giác của các thành viên trong cộng đồng đó.

- *Theo nghĩa rộng*: Khái niệm dân tộc dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định, bền vững, hợp thành nhân dân một quốc gia, có lãnh thổ chung, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung trong một quá trình dựng nước và giữ nước.

\* Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc:

- *Xu hướng thứ nhất*: Là xu hướng tách ra để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập.

Do sự chín muồi của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra để thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Thực tế này đã diễn ra ở những quốc gia, khu vực nơi có nhiều cộng đồng dân cư với nguồn gốc tộc người khác nhau trong CNTB. Xu hướng này đã biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc, đề tiên tới thành lập các quốc gia dân tộc độc lập và có tác động nổi bật trong giai đoạn đầu của CNTB.

- *Xu hướng thứ hai*: Là xu hướng liên hiệp các dân tộc để phát triển.

Các dân tộc ở từng quốc gia, kể cả các dân tộc nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, của giao lưu kinh tế, văn hóa trong CNTB đó đã tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế mở rộng giữa các dân tộc, xóa bỏ sự biệt lập, khép kín, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong điều kiện đế quốc chủ nghĩa, sự vận động của hai xu hướng này gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Xu hướng các dân tộc xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng bị đế quốc phủ nhận.

Khi cách mạng vô sản thắng lợi, giai cấp công nhân lên nắm chính quyền đã tạo tiền đề cho tiến trình xây dựng CNXH, đồng thời hình thành, phát triển các dân tộc XHCN.

*2. Để đảm bảo sự thống nhất giữa hai xu hướng của sự phát triển dân tộc, chúng ta cần:*

*- Thực hiện cương lĩnh dân tộc của Đảng cộng sản do Lê nin xây dựng, với 3 nội dung cơ bản:*

*+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.*

*+ Các dân tộc được quyền tự quyết.*

*+ Liên hiệp công nhân các dân tộc.*

*- Phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi đôi với củng cố phát triển cộng đồng dân tộc.*

Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, Đảng và Nhà nước ta cần có chủ trương, chính sách để phát triển về mọi mặt của từng dân tộc: kinh tế, văn hóa, xã hội... Trên cơ sở đó tạo điều kiện, tiền đề vững chắc để củng cố phát triển cộng đồng dân tộc.

*- Thực hiện chính sách độc lập, tự chủ để mở rộng cửa hội nhập, tìm giải pháp để giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc.*

*- Chống những tư tưởng hành vi kỳ thị dân tộc, chia rẽ dân tộc, tự ti dân tộc, dân tộc hẹp hòi, xung đột dân tộc.*

*- Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình hiện nay.*

**Câu 26: Trình bày những điểm mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại? Những điểm mới đó có làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản không? Vì sao?**

Còn thiếu về hai trong phần trả lời. Nên rút ngắn (Về một chỉ cần nêu ý chính là được)

**Trả lời:**

*1. Sự phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất*

- *Thứ nhất*, cách mạng công nghệ thông tin (IT) và công nghệ cao phát triển mạnh mẽ. Cách mạng IT khởi nguồn từ các nước phát triển phương Tây là bước nhảy vọt mang tính lịch sử to lớn của phát triển khoa học kỹ thuật, là kết quả của các nước tư bản chủ nghĩa.

- *Thứ hai*, giáo dục được tăng cường và tổ chức của người lao động được nâng cao rõ rệt. Tăng cường giáo dục đào tạo đã làm cho tổ chức được nâng cao, từ đó đặt nền móng vững chắc cho việc nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh.

- *Thứ ba*, kinh tế tăng trưởng nhanh, năng suất lao động được nâng cao hơn. Thành quả khoa học kỹ thuật nhanh chóng chuyển hóa vào sản xuất kinh doanh.

## *2. Nền kinh tế đang có xu hướng chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức*

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất, 200 năm trước, thúc đẩy chủ nghĩa tư bản chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp; cách mạng IT hiện nay đang thúc đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức.

Trong kinh tế tri thức, vai trò của tri thức và kỹ thuật đã cao hơn các yếu tố như nguồn tự nhiên và vốn, trở thành yếu tố sản xuất quan trọng nhất. Vận hành của kinh tế tri thức chủ yếu không còn do người lao động cơ bắp thao tác máy móc, mà chủ yếu do những người lao động trí óc trong những ngành thiết kế, nghiên cứu phát triển cũng như truyền bá tri thức thúc đẩy. Đối tượng sản xuất và tiêu thụ của kinh tế công nghiệp là kết tinh "nguồn tài nguyên", còn đối tượng sản xuất và tiêu thụ của kinh tế tri thức là "kết tinh tri thức", hàm lượng tri thức tăng lên trong sản phẩm và dịch vụ.

## *3. Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất và quan hệ giai cấp*

- *Thứ nhất*, quan hệ sở hữu cũng có những thay đổi, biểu hiện nổi bật là sự phân tán quyền nắm cổ phiếu tăng lên. phân tán hóa quyền không chế cổ phiếu có lợi cho cải thiện quan hệ giữa chủ xí nghiệp và công nhân.

- *Thứ hai*, kết cấu giai cấp cũng đã có những biến đổi lớn, các giai cấp, tầng lớp, đoàn thể xã hội và tập đoàn cùng tồn tại và tác động lẫn nhau. Nổi bật nhất là sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu (hay còn gọi là giai cấp trung sản) chiếm khoảng 40-50% dân số. Trên thực tế, phần lớn trong số này có cổ phiếu hoặc một phần lớn trong số này có cổ phiếu hoặc một phần vốn, rất nhiều trong số họ là phân tử tri thức hoặc nhân viên chuyên ngành, có địa vị nghề nghiệp khá tốt, đã không còn giai cấp vô sản theo quan niệm truyền thống nữa.

- *Thứ ba*, cùng với sự tăng trưởng của sản xuất và sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất, thu nhập bằng tiền lương của người lao động cũng có được mức tăng trưởng khá lớn.

#### *4. Thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp có những biến đổi lớn*

Trong điều kiện mới của cách mạng khoa học-kỹ thuật và kinh tế tri thức, thể chế quản lý kinh doanh trong nội bộ các doanh nghiệp đã được thực hiện các bước điều chỉnh và cải cách lớn.

- *Thứ nhất*, doanh nghiệp cải cách cơ chế quản lý, thiết lập cơ cấu tổ chức hàng ngang và mạng lưới. Phương hướng cải cách là xóa bỏ hệ thống kiểu kim tự tháp truyền thống như tập trung quá lớn quyền lực, đa tầng thứ và theo chiều dọc, thay thế bằng kiểu mạng lưới phân quyền, ít tầng thứ và theo chiều ngang; nhằm giảm bớt khâu trung gian, thông tin thuận lợi, đơn giản trình tự quyết sách; phát huy đầy đủ tính chủ động và trách nhiệm của toàn thể công nhân, nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

- *Thứ hai*, dùng công nghệ cao cải cách cơ chế quản lý sản xuất.

- *Thứ ba*, thực hiện cải cách quản lý lao động, lấy con người làm gốc, yêu cầu đối với công nhân chủ yếu không phải là điều kiện thể lực mà phải có kỹ

năng và tri thức cao hơn để họ phát huy tính chủ động và tính sáng tạo, từ đó nâng cao năng suất lao động và tăng cường thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

- *Thứ tư*, thay đổi hình thức tổ chức doanh nghiệp, xuất hiện xu thế hai loại hình lớn hóa và nhỏ hóa cùng hỗ trợ nhau tồn tại. Các doanh nghiệp lớn đã không ngừng mở rộng ưu thế về quy mô tăng cường thị trường của công ty. Đồng thời các doanh nghiệp nhỏ linh hoạt hơn, có tinh thần sáng tạo hơn cũng được phát triển mạnh mẽ làm cho kinh tế TBCN có sức sống và hiệu quả cao.

#### *5. Điều tiết vĩ mô của nhà nước ngày càng được tăng cường*

- *Thứ nhất*, kịp thời điều chỉnh chiến lược tổng thể phát triển kinh tế, nhằm nâng cao sức cạnh tranh tổng thể của quốc gia.

- *Thứ hai*, sự lựa chọn chính sách thực dụng. Những năm 90 của thế kỉ XX, bất kể là Mỹ hay châu Âu đều đã áp dụng chính sách “con đường thứ ba”, trên thực tế là sự dung hòa khái niệm truyền thống và chủ trương chính trị chủ nghĩa tự do với một số biện pháp của chủ nghĩa bảo thủ mới, đóng vai trò tích cực cho việc xoa dịu những mâu thuẫn của CNTB hiện nay.

- *Thứ ba*, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế khác nhau của từng thời kì, vận dụng linh hoạt chính sách tài chính và chính sách tiền tệ, kịp thời điều chỉnh mâu thuẫn cung cầu trong xã hội và mâu thuẫn giữa các tầng lớp xã hội khác nhau.

#### *6. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng quan trọng trong hệ thống TBCN, là lực lượng chủ yếu thúc đẩy toàn cầu hóa kinh tế*

Các công ty xuyên quốc gia (TNCs) là các công ty tư bản độc quyền, bành trướng thế lực ra nước ngoài bằng hình thức cài cắm nhánh. Do có thực lực kinh tế, chính trị hùng mạnh, hệ thống sản xuất, tiêu thụ, dịch vụ, nghiên cứu khoa học, thông tin toàn cầu hóa, các TNCs đã có tác động lớn đến các mặt của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, và thế lực của họ đã thâm nhập các lĩnh vực trên toàn thế giới. Thể hiện ở những điểm sau đây:

- Các công ty xuyên quốc gia đã thúc đẩy toàn cầu hóa sản xuất và thúc đẩy buôn bán quốc tế phát triển nhanh.
- Truyền bá khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý trên phạm vi toàn cầu.
- Chiếm đoạt thị trường toàn cầu, xuất khẩu vốn và hàng hóa trên quy mô lớn, thu về nhiều ngoại tệ, phát triển thực lực trong nước, tăng cường kiểm soát của tư bản độc quyền trên phạm vi toàn cầu.
- Tạo cơ hội và những thách thức to lớn cho các nước đang phát triển.
- Ảnh hưởng lớn tới tài chính, tiền tệ. Các TNCs thao túng nguồn vốn tín dụng quốc tế khổng lồ, hình thành thị trường tiền tệ lớn, trở thành các nhà kinh doanh tiền tệ lớn nhất và lực lượng chủ yếu thúc đẩy lưu thông vốn trên thị trường toàn thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến việc ổn định thị trường tiền tệ và cân bằng cán cân thanh toán quốc tế.

#### *7. Điều tiết và phân phối quốc tế được tăng cường*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nhà nước của các quốc gia tư bản chủ nghĩa ngày càng chú trọng phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô. Những năm gần đây, phối hợp và hợp tác quốc tế được tăng cường rõ rệt, hiệu quả cũng không ngừng được tăng cao. Tăng cường điều tiết và phối hợp quốc tế có vai trò không thể xem nhẹ trong việc xoa dịu mâu thuẫn bên trong và bên ngoài các nước tư bản chủ nghĩa, tạo không gian phát triển rộng lớn hơn cho các nước TBCN.

#### **Câu 27: Trình bày khái niệm và bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa?**

**Làm rõ sự khác biệt giữa dân chủ XHCN và dân chủ tư sản?**

**Trả lời:**

##### *1. Khái niệm dân chủ*

Dân chủ theo tiếng Hy Lạp cổ là từ ghép của hai chữ: Demos (nhân dân, quần chúng) + Kratos (sức mạnh, quyền lực) = quyền lực, sức mạnh thuộc về nhân dân.

Hiện nay, dân chủ bao gồm các nghĩa cơ bản sau đây:

- Dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân có quyền làm chủ những vấn đề liên quan đến cuộc sống của mình (dân là chủ và dân làm chủ).

- Dân chủ là một hình thái nhà nước, một chế độ xã hội, trong đó, thừa nhận về mặt pháp luật những quyền tự do, quyền bình đẳng của nhân dân (tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do hội họp, tự do bầu và ứng cử,...). Dân chủ được cụ thể hóa thành cơ chế để thực thi trong cuộc sống. Dân chủ được quy định thành nghĩa vụ của công dân với nhà nước và trách nhiệm của nhà nước với công dân.

- Dân chủ là một nguyên tắc sinh hoạt của tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư.

- Dân chủ là một phạm trù chính trị vì nó ra đời và phát triển gắn liền với sự xuất hiện và bản chất của giai cấp, nhà nước.

- Dân chủ là một phạm trù lịch sử, gắn liền với thành quả đấu tranh của nhân dân lao động.

## *2. Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa*

- Dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân.

- Được thiết lập sau khi giai cấp công nhân giành chính quyền thông qua cách mạng XHCN.

- Là nền dân chủ mang bản chất giai cấp công nhân.

- Do ĐCS lãnh đạo.

- Dân chủ thể hiện trên mọi lĩnh vực xã hội (Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội).

## *3. Điểm khác biệt giữa DCTS và DCXHCN*

Mặc dù có những điểm tương đồng về hình thức tồn tại của nền dân chủ, song giữa DCTS và DC XHCN có sự khác biệt căn bản về chất. Điều này được thể hiện qua các tiêu chí sau:

- \* Về chính trị:

- DC XHCN là nền dân chủ hay chế độ nhà nước do quần chúng nhân dân xây dựng nên, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, bảo đảm trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội mọi quyền lực thuộc về nhân dân, thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân. DC XHCN mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

- DC TS là nền dân chủ hay chế độ nhà nước do giai cấp tư sản xây dựng nên, với chế độ chính trị đa nguyên và đa đảng đối lập, đảm bảo quyền lực thuộc về giai cấp tư sản. Nhà nước tư sản đảm bảo duy trì sự thống trị đối với quần chúng nhân dân, đảm bảo lợi ích của giai cấp tư sản.

\* Về kinh tế:

- DC TS có cơ sở kinh tế là chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, duy trì chế độ áp bức, bóc lột người, phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản và giới chủ tư bản.

- DC XHCN có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, dựa trên cơ sở khoa học – công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu và vật chất, tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

\* Về tư tưởng văn hóa:

- DC TS lấy hệ tư tưởng tư sản – hệ tư tưởng của giai cấp tư sản làm nền tảng chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội. Tuyên truyền quan niệm tự do phi giai cấp, phi ý thức hệ nhằm chống phá sự nghiệp xây dựng CNXH trên phạm vi thế giới.

- DCXHCN lấy CN MLN – hệ tư tưởng của giai cấp công nhân làm nền tảng chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội. Phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân trong việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

\* Về xã hội:



- Trong chế độ DCTS hiện nay, giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động đã được giai cấp tư sản thừa nhận một số quyền ít ỏi, song xã hội TBCN là xã hội phục vụ và bảo vệ cho lợi ích của giai cấp tư sản và giới chủ tư bản.

- Trong chế độ DCXHCN có sự kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội. Tất cả các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân và mọi công dân đều được tham gia vào công việc nhà nước.

\* Về thực hiện dân chủ:

- DCTS thực hiện dân chủ với thiểu số và giới chủ tư bản, đồng thời hạn chế dân chủ và thực hiện trấn áp với đại đa số quần chúng nhân dân lao động.

- DC XHCN thực hiện dân chủ rộng rãi với đông đảo quần chúng nhân dân, đồng thời hạn chế dân chủ và thực hiện trấn áp với thiểu số giai cấp áp bức bóc lột và phản động.

Như vậy có thể nói, DC XHCN là nền dân chủ hoàn bị nhất trong lịch sử. Bởi lẽ nó tạo điều kiện tốt nhất nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

**Câu 28: Vì sao dưới chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại? Làm thế nào để phát huy mặt tích cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng phát triển đất nước?**

**Trả lời:**

*Vì sao dưới chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại?*

Trong tiến trình xây dựng CNXH, tôn giáo vẫn còn tồn tại bởi các nguyên nhân cơ bản sau đây:

- Nguyên nhân nhận thức: Trong quá trình xây dựng CNXH, trình độ dân trí của nhân dân còn nhiều hạn chế. Mặc dù khoa học đã phát triển mạnh, song, còn nhiều hiện tượng tự nhiên, xã hội diễn ra mà khoa học chưa giải thích được. Do đó, con người còn tìm đến với tôn giáo.

- Nguyên nhân tâm lý: Tôn giáo tồn tại lâu đời và ăn sâu vào trong tiềm thức của nhiều người. Nó là một trong những hình thái ý thức xã hội mang tính bảo thủ nhất, in đậm trong đời sống tinh thần của nhiều người, kể cả trong CNXH.

- Nguyên nhân chính trị - xã hội:

+ Đạo đức, văn hóa của tôn giáo có nhiều điểm còn phù hợp với CNXH và đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân.

+ Dưới CNXH, tôn giáo có khả năng tự biến đổi để thích nghi theo xu hướng sống tốt đời, đẹp đạo, đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc...

+ Do chính sách tôn giáo của nhà nước XHCN là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

+ Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vẫn còn tồn tại đấu tranh giai cấp với nhiều hình thức phức tạp, các thế lực chính trị vẫn lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng. Mặt khác, các hiện tượng như chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc...là điều kiện để tôn giáo phát triển., nên còn hiện tượng bóc lột, áp bức, bất công, bất bình đẳng xã hội...đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân chưa cao. Điều đó đã làm cho con người tìm đến tôn giáo.

- Nguyên nhân kinh tế: Thời kỳ quá độ lên CNXH còn tồn tại nhiều loại hình sở hữu và nhiều thành phần kinh tế trên cơ sở chế độ sở hữu tư nhân.

- Nguyên nhân văn hóa: Tôn giáo có khả năng đáp ứng ở một mức độ nhất định nhu cầu văn hóa, tinh thần và có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức cộng đồng, đạo đức, lối sống... Do đó, bảo tồn và phát huy các giá trị đạo đức tôn giáo là cần thiết.

## *2. Làm thế nào để phát huy mặt tích cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng phát triển đất nước?*

Để phát huy mặt tích cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, chúng ta cần thực hiện tốt các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Khắc phục dần ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội gắn liền với công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

- Tôn trọng, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân. Mọi công dân theo tôn giáo hay không theo tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau.

- Thực hiện đoàn kết giữa những người theo với những người không theo tôn giáo nào, đoàn kết các tôn giáo hợp pháp, chân chính, đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo.

- Cần phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo. Đây là việc cần thiết, bởi bản thân tôn giáo nào cũng gồm hai mặt này và phân biệt để tránh hai khuynh hướng hữu khuynh hoặc tả khuynh trong giải quyết vấn đề tôn giáo.

- Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau. Vì vậy cần có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

## **B. PHẦN BÀI TẬP**

1. Một xí nghiệp thuê 50 công nhân, lương mỗi công nhân là 100 USD/tháng, một năm nhà tư bản thu được 100.000 USD giá trị thặng dư. Tìm tỷ suất giá trị thặng dư?

2. Xí nghiệp A có tổng số vốn đầu tư là 200.000 USD, xí nghiệp thu được lợi nhuận là 50.000 USD (ngang mức bình quân của xã hội). Tìm tỷ suất lợi nhuận bình quân?

3. Để sản xuất, năm đầu nhà tư bản đầu tư 5000USD, có cấu tạo hữu cơ là 4/1, tỷ suất giá trị thặng dư là 200%, nhà tư bản tiêu dùng cá nhân  $\frac{1}{2}$  khối lượng giá trị thặng dư đã được tạo ra. Hỏi năm sau quy mô tư bản ứng trước tăng lên bao nhiêu?

4. Giả định xã hội chỉ có 3 ngành sản xuất:

- Ngành A có tổng vốn đầu tư 250 tỷ USD, có tỷ suất lợi nhuận là 30%
- Ngành B có tổng vốn đầu tư 150 tỷ USD, có tỷ suất lợi nhuận là 22%
- Ngành C có tổng vốn đầu tư 300 tỷ USD, có tỷ suất lợi nhuận là 18%.

Tìm tỷ suất lợi nhuận bình quân?

5. Trong 8 giờ lao động, công nhân trong xí nghiệp sản xuất được 16 sản phẩm có tổng giá trị là 80USD. Hỏi giá trị tổng sản phẩm làm ra trong ngày và giá trị của 1 sản phẩm là bao nhiêu nếu:

- Năng suất lao động tăng lên 2 lần
- Cường độ lao động tăng lên 1,5 lần

6. Một doanh nghiệp 1 năm sản xuất được 1000 sản phẩm, trong đó tư bản đầu tư là 1.000.000 USD, khối lượng giá trị thặng dư thu được là 300.000 USD, tỉ suất giá trị thặng dư là 300%. Tính giá trị 1 đơn vị sản phẩm và kết cấu của nó?

7. Một doanh nghiệp có tỷ suất giá trị thặng dư là 200%, lương công nhân là 200 USD. Muốn thu được 240.000 USD giá trị thặng dư trong 1 năm thì chủ tư bản cần phải thuê bao nhiêu công nhân?

8. Tìm tỷ suất giá trị thặng dư khi biết tổng tư bản đầu tư cho 1000 sản phẩm là 6000USD, trong đó tư bản khả biến bằng  $\frac{1}{5}$  tư bản bất biến, nhà tư bản thu được 2400USD giá trị thặng dư?

9. Tổng tư bản đầu tư cho 1000 sản phẩm là 20.000 USD, tư bản khả biến bằng  $\frac{1}{4}$  tư bản ứng trước, nhà tư bản thu được 6.000 USD giá trị thặng dư. Tìm tỷ suất giá trị thặng dư?

10. Một xí nghiệp sử dụng 100 công nhân, lương 150USD/tháng, tỷ suất giá trị thặng dư bằng 200%. Tìm khối lượng giá trị thặng dư cả năm của xí nghiệp.

11. Giá trị của một đơn vị hàng hóa sẽ thay đổi như thế nào so với dự kiến ban đầu khi sản xuất 1000 sản phẩm với mức đầu tư 4000 USD trong đó 3500USD là tư bản bất biến, tỷ suất giá trị thặng dư bằng 200%, nhưng nhờ tiết kiệm nguyên liệu nên tư bản bất biến giảm được 100USD, tư bản khả biến và tỷ suất giá trị thặng dư vẫn giữ nguyên?

12. Một xí nghiệp thu được 360.000 USD/năm. Tỷ suất giá trị thặng dư bằng 200%, sử dụng 100 công nhân. Hỏi trung bình lương tháng của công nhân xí nghiệp này là bao nhiêu?

13. Một xí nghiệp sản xuất ra 1000 sản phẩm, tư bản ứng ra ban đầu là 4.000USD, trong đó 3.500USD dùng để mua máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu..., trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với công nhân là 100%. Hãy tìm giá trị của 1 sản phẩm của xí nghiệp đó?

14. Năm đầu nhà tư bản đầu tư 600.000 USD để sản xuất hàng hóa, cấu tạo hữu cơ là  $\frac{5}{1}$ , tỷ suất giá trị thặng dư là 200%, tích lũy 50% khối lượng giá trị thặng dư. Hỏi năm sau khối lượng giá trị thặng dư thu được là bao nhiêu? ( c/v và m' không đổi)?

15. Số giá trị thặng dư thu được nhà tư bản đã tiêu dùng hết. Hỏi sau bao nhiêu năm thì số vốn của nhà tư bản được coi như công nhân của xí nghiệp tạo ra nếu tư bản đầu tư là 1,2 triệu USD, cấu tạo hữu cơ là 5/1, tỷ suất giá trị thặng dư là 100%?

16. Để sản xuất 1 sản phẩm, một xí nghiệp phải đầu tư mua tư bản bất biến là 900.000 đồng, tư bản khả biến là 100.000 đồng, với tỷ suất lợi nhuận bình quân là 20%. Hãy tính giá cả sản xuất của 1 sản phẩm?

17. Tìm tỷ suất lợi nhuận của một xí nghiệp có số tư bản bất biến bằng 4 lần tư bản khả biến, tỷ suất giá trị thặng dư là 100%?

18. Tìm tổng lợi nhuận của xí nghiệp có số tư bản bất biến là 50.000 USD và bằng 5 lần tư bản khả biến, tỷ suất lợi nhuận bằng 25%?

19. Tìm thời gian chu chuyển chung của tư bản của một xí nghiệp có tổng tư bản đầu tư là 10 triệu USD, tổng tư bản cố định chiếm 70% và cứ 7 năm đổi mới 1 lần, tư bản lưu động quay 3 vòng/ năm?

20. Một xí nghiệp A có tổng tư bản ứng trước là 130 tỷ USD, tỷ suất lợi nhuận là 15%. Tìm tổng lợi nhuận?

21. Một xí nghiệp có tổng tư bản ứng trước là 60.000USD, trong đó tư bản cố định là 40.000USD. Tìm thời gian 1 vòng chu chuyển chung của tư bản, biết:

- Tư bản cố định 8 năm đổi mới một lần.
- Tư bản lưu động 1 năm quay được 2 vòng.

22. Tình hình tài chính của 1 công ty: Tư bản ứng trước là 200.000USD, trong đó tư bản cố định là 160.000USD (5 năm đổi mới 1 lần), tư bản lưu động là 40.000USD (mỗi năm quay vòng 6 lần). Tính thời gian của 1 vòng chu chuyển? Mỗi năm tư bản quay được bao nhiêu vòng?

23. Trong quá trình sản xuất sản phẩm, hao mòn thiết bị và máy móc là 100.000 đô la. Chi phí nguyên liệu, vật liệu và nhiên liệu là 300.000 đô la. Hãy xác định chi phí tư bản khả biến nếu biết rằng giá trị của 1 sản phẩm là 1.000.000 đô la và trình độ bóc lột là 200%?

24. Tư bản đầu tư 900.000 đô la, trong đó bỏ vào tư liệu sản xuất là 780.000 đô la. Số công nhân làm thuê thu hút vào sản xuất là 400 người. Hãy xác định khối lượng giá trị mới do 1 công nhân tạo ra, biết rằng tỷ suất giá trị thặng dư là 200%?

25. Tư bản ứng trước 500.000 USD. Trong đó bỏ vào nhà xưởng 200.000 USD; máy móc thiết bị là 100.000 USD. Giá trị nguyên, nhiên vật liệu gấp 3 lần giá trị sức lao động. Hãy xác định tổng số: tư bản cố định, tư bản lưu động, tư bản bất biến, tư bản khả biến?

26. Có 200 công nhân làm việc trong 1 nhà máy. Cứ 1 giờ lao động, 1 công nhân tạo ra lượng giá trị mới là 5 đô la,  $m' = 300\%$ . Giá trị sức lao động mỗi ngày của 1 công nhân là 10 đô la. Hãy xác định độ dài của ngày lao động. Nếu giá trị sức lao động không đổi và trình độ bóc lột tăng lên  $\frac{1}{3}$  thì khối lượng giá trị thặng dư mà nhà tư bản chiếm đoạt trong 1 ngày tăng lên bao nhiêu?

27. Tư bản ứng ra 1.000.000 USD, trong đó 700.000 USD bỏ vào máy móc và thiết bị, 200.000 USD bỏ vào nguyên liệu,  $m' = 200\%$ . Hãy xác định: Số lượng người lao động sẽ giảm xuống bao nhiêu % nếu: Khối lượng giá trị thặng dư không đổi, tiền lương công nhân không đổi,  $m'$  tăng lên là 250%?

28. Tính khối lượng giá trị thặng dư của một xí nghiệp có 400 công nhân làm thuê với thời gian làm việc là 10 giờ, trong thời gian đó mỗi công nhân đã tạo ra giá trị mới là 30 đô la,  $m' = 200\%$ ?

29. Ngày làm việc 8 giờ,  $m' = 300\%$ . Sau đó nhà tư bản kéo dài ngày lao động lên 10 giờ. Trình độ bóc lột sức lao động trong xí nghiệp thay đổi như thế nào nếu giá trị sức lao động không đổi?

30. Ngày làm việc 8 giờ, thời gian lao động thặng dư là 4 giờ. Sau đó, do tăng năng suất lao động trong các ngành sản xuất vật phẩm tiêu dùng nên hàng hoá ở những ngành này rẻ hơn trước 2 lần. Trình độ bóc lột lao động thay đổi như thế nào, nếu độ dài ngày lao động không đổi?

## MỤC LỤC

- Câu 1: Phân công lao động là gì? Có mấy loại hình phân công lao động? 1
- Câu 2: Hàng hóa là gì? Phân tích các thuộc tính của hàng hóa? Nguồn gốc của giá trị hàng hóa và nguồn gốc của giá trị thặng dư khác nhau như thế nào? 2
- Câu 3: Phân tích lượng giá trị của hàng hoá và các yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hoá? 4
- Câu 4: Phân tích nguồn gốc ra đời, bản chất và các chức năng của tiền tệ? Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này đối với nước ta hiện nay? 6
- Câu 5: Trình bày nội dung, yêu cầu và tác động của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa. Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này đối với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay? 10
- Câu 6: Nổi cạnh tranh là động lực thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển đúng hay sai? Phân tích mặt tích cực và tiêu cực của kinh tế hàng hóa. Liên hệ với nền kinh tế ở nước ta hiện nay? 12
- Câu 7: Phân tích điều kiện ra đời và thuộc tính của hàng hóa sức lao động? Ý nghĩa của việc phát hiện ra hàng hóa sức lao động của Mác? 14
- Câu 8: Phân tích các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư? 16
- Câu 9: Bản chất của tư bản là gì? Phân tích vai trò của tư bản bất biến và tư bản khả biến trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư? 18
- Câu 10: Làm thế nào để đo trình độ bóc lột và quy mô bóc lột đối với công nhân làm thuê của CNTB? 19
- Câu 11: Có những phương pháp bóc lột giá trị thặng dư nào trong CNTB? Phương pháp nào được sử dụng phổ biến trong thời đại ngày nay? Tại sao? 20
- Câu 12: Trình bày các cặp phạm trù tư bản cố định – tư bản lưu động; tư bản bất biến – tư bản khả biến? Nêu cơ sở phân chia các cặp phạm trù tư bản? Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này? 23



Câu 13: Hãy phân biệt lợi nhuận và giá trị thặng dư? Lợi nhuận thương nghiệp do đâu mà có? Cho ví dụ chứng minh? 24

Câu 14: Giá trị thị trường và lợi nhuận bình quân được hình thành như thế nào? Phân tích sự giống nhau và khác nhau giữa cạnh tranh nội bộ ngành và cạnh tranh giữa các ngành trong kinh tế hàng hóa? 27

Câu 15: Hiểu biết của anh (chị) về công ty cổ phần, tư bản giả và thị trường chứng khoán? 29

Câu 16: Phân tích hoạt động của quy luật giá trị trong giai đoạn CNTB tự do cạnh tranh và giai đoạn CNTB độc quyền? 31

Câu 16: Tích lũy tư bản là gì ? Quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào những nhân tố nào? Ý nghĩa của việc nghiên cứu tích lũy tư bản đối với nền kinh tế nước ta hiện nay? 33

Câu 18: Tuần hoàn và chu chuyển tư bản là gì? Tác dụng và phương pháp làm tăng tốc độ chu chuyển của tư bản? 35

Câu 19: Nói tự do cạnh tranh phát triển đến một mức độ nhất định (dẫn đến tích tụ, tập trung tư bản) tất yếu sinh ra độc quyền đúng hay sai? Giải thích vì sao? 37

Câu 20: Phân tích vai trò của nhà nước trong chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước? Nhà nước tư sản điều tiết nền kinh tế bằng những công cụ gì? 38

Câu 21: Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân? Biểu hiện mới của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay? 39

Câu 22: Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản có phù hợp với quy luật khách quan không? Vì sao? Anh (chị) hiểu quan niệm “bỏ qua” ở đây là gì? 41

Câu 23: Trong thời đại khoa học công nghệ và kinh tế tri thức phát triển như hiện nay, vai trò lãnh đạo xã hội thuộc về giai cấp công nhân hay thuộc về đội ngũ trí thức? Vì sao? 43

Câu 24: Nội dung cơ bản nhất sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì? Phân tích điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình? 47

Câu 25: Hai xu hướng cơ bản của phong trào dân tộc trong thời đại ngày nay là gì? Chúng ta cần phải làm gì để đảm bảo sự thống nhất giữa hai xu hướng đó? 48

Câu 26: Trình bày những điểm mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại? Những điểm mới đó có làm thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản không? Vì sao? 50

Câu 27: Trình bày khái niệm và bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa? Làm rõ sự khác biệt giữa dân chủ XHCN và dân chủ tư sản? 54

Câu 28: Vì sao dưới chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại? Làm thế nào để phát huy mặt tích cực của tôn giáo trong quá trình xây dựng phát triển đất nước? 57

### CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ (ĐÁNH GIÁ) CUỐI CHƯƠNG

Sau mỗi chương cho 02 đến 03 câu hỏi ngắn dạng đúng/sai, sau đó giải thích.

Ví dụ: Cho biết các câu dưới đây, câu nào đúng, câu nào sai? giải thích?

1. Phân công lao động làm xuất hiện nhu cầu trao đổi hàng hóa
2. Tăng cường độ lao động là tăng thời gian lao động
3. Sự tác động của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa dẫn đến phân hóa giàu nghèo